



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

*(ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHKT ngày tháng 9 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường ĐHK)*

Hà Nội, 2021

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm qua, hoạt động đảm bảo chất lượng luôn được Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội chú trọng; Nhà trường xác định đây là hoạt động trọng tâm, xuyên suốt và là yếu tố cốt lõi trong quá trình đổi mới giáo dục đại học. Theo đó, hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường được thiết lập và vận hành; đảm bảo các hoạt động của Nhà trường được kiểm soát, duy trì và cải tiến chất lượng.

Năm 2020, Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường bao gồm đánh giá về cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo chất lượng, các quy định và kế hoạch đảm bảo chất lượng, hệ thống các công cụ/quy trình đảm bảo chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đáp ứng được các yêu cầu khá tốt, tuy nhiên, một số tiêu chí vẫn cần phải bổ sung, hoàn thiện thêm để đáp ứng được yêu cầu kiểm định chất lượng trong nước và quốc tế.

Vì vậy, Sổ tay hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo chất lượng tại Trường ĐHKT - ĐHQGHN được ra đời nhằm thống nhất bộ công cụ giám sát, đánh giá các hoạt động đảm bảo chất lượng tại Trường, đáp ứng được các yêu cầu và quy định; đồng thời giảm tải các thủ tục hành chính, tạo ra sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các đơn vị chức năng trong thực hiện đảm bảo chất lượng.

Sổ tay hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo chất lượng được Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Giáo dục xây dựng cùng với sự góp ý của lãnh đạo các đơn vị. Sổ tay được áp dụng đối với toàn bộ cán bộ, giảng viên, chuyên viên, người học trong Nhà trường; bao gồm với các phần chính sau đây: 1) *Khái quát về Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội*; 2) *Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội*; 3) *Các hoạt động đảm bảo chất lượng tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội*; 4) *Các điều kiện thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội*; 5) *Các công cụ giám sát và đánh giá hoạt động đảm bảo chất lượng tại Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội*; 6) *Trách nhiệm thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội*.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Tên đầy đủ
1	CĐR	Chuẩn đầu ra
2	CLC	Chất lượng cao
3	CSGD	Cơ sở giáo dục
4	CSVC	Cơ sở vật chất
5	CTĐT	Chương trình đào tạo
6	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
7	ĐHKT	Đại học Kinh tế
8	ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
9	ĐTKS	Điều tra khảo sát
10	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
11	GDDH	Giáo dục Đại học
12	GV	Giảng viên
13	HĐGD	Hoạt động giáo dục
14	HP	Học phần
15	KĐCL	Kiểm định chất lượng
16	NCKH	Nghiên cứu khoa học
17	NCKH&HTPT	Nghiên cứu khoa học và Hợp tác phát triển
18	NH	Người học
19	NSDLĐ	Nhà sử dụng lao động
20	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
21	QT	Quy trình
22	SV	Sinh viên
23	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
24	TĐG	Tự đánh giá
25	TT	Trung tâm

DANH MỤC HÌNH, BẢNG BIỂU

STT	Tên bảng biểu, hình vẽ	Trang
1	Hình 1: Quy trình PDCA theo tinh thần liên tục cải tiến chất lượng	14
2	Hình 2: Mô hình ĐBCL bên trong CSGD	15
3	Hình 3: Mô hình ĐBCL bên trong CTĐT	15

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -	1
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.....	1
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	1
1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục	1
1.3. Cơ cấu tổ chức	3
CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG TẠI.....	6
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.....	6
2.1. Một số khái niệm về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	6
2.2. Vai trò và yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	7
2.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Giáo dục	8
2.4. Chính sách chất lượng	9
2.5. Kiểm định chất lượng giáo dục và chế độ báo cáo.....	10
2.6. Thông tin cơ bản về đánh giá chất lượng giáo dục và mô hình đảm bảo chất lượng bên trong	13
2.7. Phạm vi áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng	16
CHƯƠNG 3: CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI.....	17
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.....	17
3.1. Hoạt động đào tạo.....	17
3.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	18
3.3. Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	19
3.4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	20
CHƯƠNG 4: CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG.....	22
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -	22
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.....	22
4.1. Nguồn nhân lực	22
4.2. Tài chính và quy trình quản lý tài chính.....	23
4.3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	23
4.4. Thông tin nội bộ	25
CHƯƠNG 5. CÁC CÔNG CỤ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	26
HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -	26
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.....	26

5.1. Giám sát và đánh giá quá trình học tập của người học	26
5.2. Giám sát và đánh giá về hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo	27
5.3. Đánh giá chất lượng đào tạo của người học sau tốt nghiệp	31
5.4. Giám sát và đánh giá về kết quả nghiên cứu khoa học	33
5.5. Giám sát và đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng	34
5.6. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	35
CHƯƠNG 6. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO	37
CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -	37
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.....	37
1. Trách nhiệm của Ban giám hiệu.....	37
2. Trách nhiệm của các đơn vị chức năng	37
3. Trách nhiệm của các Khoa/Viện Quản trị Kinh doanh	38
4. Trách nhiệm của các tổ chức Đảng, đoàn thể.....	38
5. Trách nhiệm của giảng viên và sinh viên	38
PHỤ LỤC	39

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

1.1.1. Giới thiệu chung

Trường ĐHKT trực thuộc ĐHQGHN (tên giao dịch tiếng Anh: University of Economics and Business - Vietnam National University, Hanoi) được thành lập theo Quyết định số 290/QĐ-TTg ngày 06/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Trường đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi lịch sử và khởi nguyên từ Khoa Kinh tế Chính trị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội từ năm 1974.

- Địa chỉ: nhà E4, số 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tel: (84.24) 37547506
- Web: <http://www.ueb.edu.vn>

1.1.2. Những mốc lịch sử quan trọng

- Tháng 11/1974: Khoa Kinh tế Chính trị trực thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Tháng 09/1995: Khoa Kinh tế Chính trị trực thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - ĐHQGHN.
- Tháng 07/1999: Khoa Kinh tế trực thuộc ĐHQGHN.
- Tháng 03/2007: Trường ĐHKT trực thuộc ĐHQGHN.

Sau gần 50 năm truyền thống và 14 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHKT - ĐHQGHN (sau đây gọi tắt là Trường ĐHKT) đã đạt được những thành tích đáng tự hào, góp phần quan trọng vào sự nghiệp GD&ĐT của Việt Nam nói chung và ĐHQGHN nói riêng, dần khẳng định được vị thế, uy tín được xã hội tín nhiệm và đánh giá cao.

1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

1.2.1. Sứ mạng

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực CLC theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững của Việt Nam; nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho Chính phủ, các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; tạo môi

trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại.

1.2.2. Tầm nhìn

Trở thành đại học theo định hướng nghiên cứu được xếp hạng ngang tầm với các đại học tiên tiến trong khu vực Châu Á, trong đó có một số ngành và chuyên ngành được kiểm định bởi các tổ chức KĐCL GDDH có uy tín trên thế giới.

1.2.3. Giá trị cốt lõi

**** Khuyến khích sáng tạo, nuôi dưỡng say mê***

Trường ĐHKT là một môi trường tự do sáng tạo, ủng hộ đổi mới và là cái nôi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ GV, nhà khoa học, cán bộ, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Niềm say mê thúc đẩy sự sáng tạo, sáng tạo mang lại những ý tưởng đổi mới, đổi mới sẽ tạo ra những đột phá để khẳng định vị thế và thương hiệu của Trường.

**** Tôn trọng sự khác biệt, thúc đẩy hợp tác***

Hợp tác chính là tôn trọng sự khác biệt. Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt của mỗi thành viên trong cộng đồng Trường ĐHKT được gắn kết chỉ hướng và theo đuổi cùng một mục tiêu tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn Trường.

**** Coi trọng chất lượng, hiệu quả***

Chất lượng - hiệu quả là sự lựa chọn phù hợp với mục tiêu chiến lược hướng đến xếp hạng ngang tầm khu vực và quốc tế, được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của mỗi đơn vị và thành viên trong Trường ĐHKT. Đó vừa là động lực cho mọi hành động vừa là mục tiêu phấn đấu của toàn thể GV, nhà khoa học, cán bộ, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Trường.

**** Đảm bảo hài hòa, phát triển bền vững***

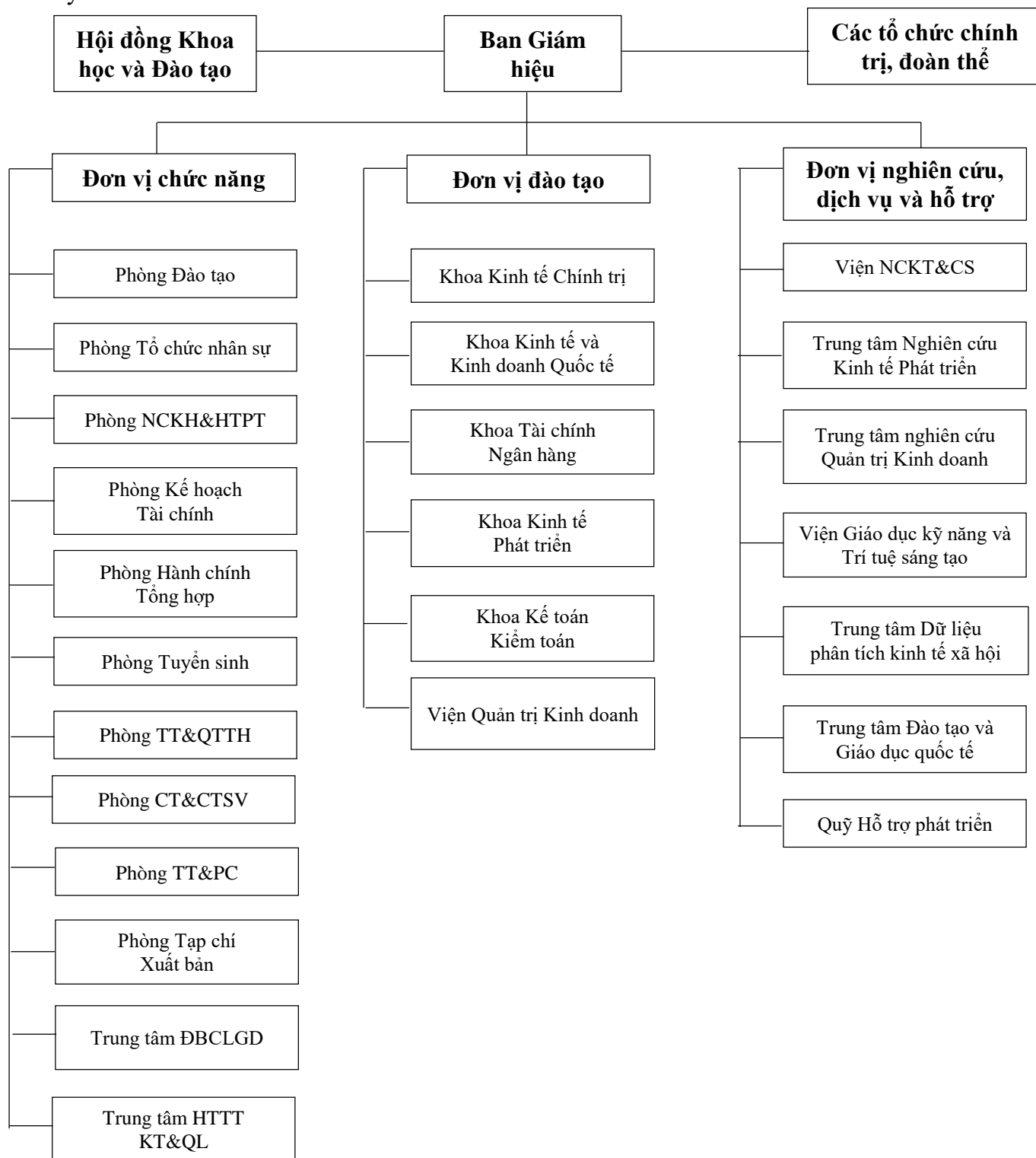
Sự hài hòa trong mọi hoạt động từ công việc chung cho tới sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân và tập thể là động lực cho mỗi thành viên không ngừng phấn đấu để tự hoàn thiện và là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Trường ĐHKT.

1.2.4. Triết lý giáo dục

“Giáo dục chuẩn quốc tế, kiến tạo, tư duy tự lập, hài hòa, giữ vững bản sắc, trở thành chuyên gia, lãnh đạo”.

1.3. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKT gồm Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Ban Giám Hiệu và Các tổ chức chính trị, đoàn thể, được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



1.4. Một số thành tích đạt được

*** Công tác tuyển sinh**

Giai đoạn 2015 - 2020, công tác tuyển sinh có sự đổi mới, đột phá căn bản. Công tác truyền thông và tư vấn trở nên chuyên nghiệp, với các hình thức đa dạng và cập nhật, đặc biệt là các hoạt động truyền thông tuyển sinh online. Thông qua đó, thương hiệu Trường ĐHKT đến gần hơn với xã hội nói chung, thí sinh và phụ huynh nói riêng. Số SV đại học tăng vượt bậc trong giai đoạn này.

*** Công tác đào tạo**

Công tác đào tạo của Trường ĐHKT đã được đổi mới theo hướng quốc tế hoá, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế, tăng quy mô và cơ cấu đào tạo phù hợp, phát triển CTĐT hiện đại, đáp ứng nhu cầu xã hội, đẩy mạnh nguồn thu cho Nhà trường. Các CTĐT được chuyển đổi theo hướng tự phí CLC (Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014). Cụ thể:

1) Phát triển quy mô và cơ cấu hợp lý các CTĐT

Trường tiếp tục phát triển theo định hướng đại học nghiên cứu, phát triển quy mô và cơ cấu hợp lý, phù hợp với các điều kiện ĐBCL. Quy mô đào tạo trong nước hiện nay đạt 4.779 (số liệu tính đến ngày 18/5/2020). Quy mô đào tạo đại học hiện chiếm tỷ trọng lớn: 3.588/4.779 (đạt 75,1%). Đặc biệt quy mô đào tạo CLC tăng nhanh theo từng năm: quy mô đào tạo CLC/quy mô đào tạo đại học các năm 2016, 2017, 2018 và 2019 đạt lần lượt là 20,7%, 23,3%, 62,7% và 81,7%.

2) Phát triển ngành, chuyên ngành

Nhà trường phát triển CTĐT theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu xã hội và tăng nguồn thu cho Nhà trường; chuyển đổi 100% CTĐT đại học theo hướng tự phí CLC; mở rộng các CTĐT bằng tiếng Anh; tăng cường tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các CTĐT liên kết, hợp tác quốc tế để từng bước quốc tế hoá các CTĐT.

Đồng thời, để tiến tới thực hiện cơ chế tự chủ về kinh phí của một số CTĐT, Nhà trường đã mở mới chương trình Thạc sĩ Quản trị các tổ chức tài chính, Thạc sĩ Quản lý công (Liên kết với ĐH Uppsala - Thụy Điển, do ĐHQGHN cấp bằng) và một số chương trình khác. Hiện tại, Trường đã hoàn thành đề án được nghiệm thu và đang nỗ lực thúc đẩy thủ tục với các Bộ, Ngành liên quan để mở mới các chương trình liên ngành đáp ứng nhu cầu xã hội như: Cử nhân Kinh tế và Quản lý, Thạc sĩ Kinh tế báo chí truyền thông, Thạc sĩ Kinh tế dịch vụ và du lịch. Đặc biệt Trường đã thực hiện

tuyển sinh chương trình cử nhân thí điểm ngành *Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao*, là bước đột phá trong xây dựng chương trình đáp ứng nhu cầu xã hội.

3) *Đột phá trong đổi mới hoạt động đào tạo theo hướng quốc tế hoá*

Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã thúc đẩy mạnh mẽ việc trao đổi SV và GV với các trường đối tác, qua đó mỗi năm hàng chục lượt SV đã được đi trao đổi 01 học kỳ tại các trường nổi tiếng trên thế giới, tích lũy tín chỉ với các HP được công nhận tương đương. Đồng thời, nhiều SV quốc tế đến từ Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... đã đến học trao đổi tại Trường, tạo môi trường học tập mang tính quốc tế. Trường cũng tạo điều kiện tối ưu để mời các GV quốc tế đến tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Trường. Bên cạnh đó, Trường cũng đang thúc đẩy mạnh việc trao đổi SV và công nhận tín chỉ tương đương với các trường top đầu ở trong nước.

Nhà trường đã triển khai ứng dụng hệ thống học tập trực tuyến cho 100% các lớp hệ đại học và cao học, ứng dụng các phần mềm quản lý đào tạo, qua đó dần hoàn thiện hệ thống quản lý, các quy định và quy chế theo hướng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho GV trong hoạt động giảng dạy, nhập điểm, chấm thi, thống kê giờ giảng...

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã chú trọng đẩy mạnh tính thực tiễn của các CTĐT thông qua đổi mới hoạt động thực tập thực tế, mời các chuyên gia, lãnh đạo các doanh nghiệp đến giảng dạy cho SV. Các học phần đều có các case study thực tiễn kèm theo, tạo sự hấp dẫn và tăng tính sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho NH.

CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

2.1. Một số khái niệm về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

* Khái niệm “Đảm bảo chất lượng”

ĐBCL là một cơ chế quản lý chất lượng đang được nhiều nước sử dụng để quản lý chất lượng giáo dục nói chung, chất lượng GDDH nói riêng.

Theo UNESCO, ĐBCL là một quá trình xây dựng niềm tin giữa các bên liên quan đến các điều khoản (đầu vào, quá trình và đầu ra) đáp ứng sự mong đợi hoặc đạt ngưỡng yêu cầu tối thiểu¹.

Theo tác giả Lê Đức Ngọc: “ĐBCL là toàn bộ các hoạt động có kế hoạch, có hệ thống được tiến hành trong hệ thống chất lượng, và được chứng minh là đủ mức cần thiết để khách hàng thỏa mãn các yêu cầu chất lượng”².

Tác giả Phạm Thành Nghị cho rằng: “ĐBCL xảy ra trước và trong quá trình sản xuất, đào tạo. ĐBCL tập trung phòng ngừa sự xuất hiện những sản phẩm chất lượng thấp. Chất lượng được thiết kế theo các chuẩn mực và đưa vào quá trình nhằm đảm bảo sản phẩm đầu ra đạt được những thuộc tính đã định trước. ĐBCL là phương tiện tạo ra sản phẩm không có sai sót kỹ thuật do lỗi trong quá trình sản xuất gây ra, vì thế, trách nhiệm về chất lượng được giao cho mỗi người làm việc trong quá trình sản xuất, đào tạo”³.

Như vậy, trong ĐBCL giáo dục, chất lượng được thiết kế theo các chuẩn mực và đưa vào quá trình đào tạo NH nhằm đảm bảo NH sau khi tốt nghiệp đạt được những chuẩn mực đã đề ra. ĐBCL giáo dục là một trong những công cụ tạo ra sản phẩm là nguồn nhân lực không có sai sót do lỗi trong quá trình đào tạo.

Có thể hiểu, ĐBCL trong giáo dục là tập hợp các biện pháp, các hoạt động có kế hoạch được tiến hành trong và ngoài Nhà trường nhằm phát hiện ra các khâu lỗi trong quá trình đào tạo để ngăn chặn kịp thời những sai sót đó; đồng thời ĐBCL giúp quá trình đào tạo có thể đạt chuẩn theo các chuẩn mực mà Nhà trường và các bên liên quan đã đề ra. ĐBCL thực hiện chức năng quản lý thông qua các thủ tục, quy trình; phòng ngừa sai sót bằng hệ thống phát hiện và sửa lỗi; ...

ĐBCL bao gồm ĐBCL bên trong và ĐBCL bên ngoài Nhà trường. ĐBCL bên

¹ UNESCO (2011), *Making basic choices for external quality*, Module 1 - External quality assurance: options for higher education managers, UNESCO

² Lê Đức Ngọc (2008), *Văn hóa tổ chức*, Trung tâm Kiểm định Đo lường và Đánh giá chất lượng giáo dục (CAMEEQ), Hà Nội

³ Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý chất lượng GDDH*, Nxb ĐHQGHN; tr.112-113

trong do Nhà trường đảm nhận, ĐBCL bên ngoài do các cơ quan chức năng bên ngoài Nhà trường thực hiện (bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan KĐCL độc lập). ĐBCL bên trong Nhà trường là nhân tố quan trọng nhất để Nhà trường chủ động tạo nên chất lượng.

**** Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong***

Hệ thống ĐBCL bên trong là hệ thống chính sách, mục tiêu, hành động, công cụ, nguồn lực, quy trình và thủ tục được các chủ thể quản lý giáo dục áp dụng theo những cách thức xác định nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo liên tục.

Hệ thống ĐBCL bên trong trường đại học là tổng thể các hệ thống, nguồn lực, thông tin dành cho việc thiết lập, duy trì và cải tiến chất lượng. Đó là một hệ thống mà dưới sự tác động của nó, các nhà quản lý và nhân viên hài lòng với cơ chế kiểm soát đang hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng trong GDĐH.

2.2. Vai trò và yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

2.2.1. Vai trò của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Hệ thống ĐBCL bên trong có vai trò đặc biệt quan trọng trong đảm bảo, duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHKHT.

Thứ nhất, hệ thống ĐBCL bên trong thúc đẩy Nhà trường hội nhập giáo dục với khu vực và quốc tế. Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với quốc tế trong nhiều lĩnh vực với các ký kết hiệp định song phương, đa phương, là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế lớn. Yếu tố quyết định để phát huy hiệu quả của việc hội nhập đó chính là phải có nguồn nhân lực CLC. Vì vậy, GDĐH phải tạo ra được nguồn nhân lực CLC. Hệ thống ĐBCL bên trong chính là công cụ góp phần tạo ra nguồn nhân lực CLC đó, đồng thời góp phần quan trọng trong việc chỉ ra đường lối hội nhập GDĐH khu vực và quốc tế cho Trường ĐHKHT.

Thứ hai, hệ thống ĐBCL bên trong là thước đo giúp Trường ĐHKHT nhận biết thực trạng đào tạo của mình. Hệ thống ĐBCL bên trong đóng vai trò giống như những “chuyên gia đo lường” để đo tình trạng đào tạo của Nhà trường. Từ đó, Nhà trường có thể biết vị thế của mình ở đâu và cần làm gì để thúc đẩy quá trình phát triển. Đồng thời, giúp cho Ban Giám hiệu, các cán bộ quản lý trong Nhà trường quản trị đại học một cách rõ ràng, hiệu quả mang lại CLC và đạt được mục tiêu, chiến lược đề ra.

Thứ ba, hệ thống ĐBCL bên trong là công cụ giúp Trường ĐHKT nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường. Hệ thống ĐBCL bên trong được xây dựng để duy trì và cải tiến chất lượng, duy trì và cải tiến các tiêu chuẩn về giảng dạy, học tập, ... Đây vừa là chức năng, vừa là vai trò của hệ thống ĐBCL bên trong Nhà trường.

Như vậy, hệ thống ĐBCL giúp Nhà trường nâng cao chất lượng của mọi lĩnh vực, hoạt động trong Trường, đặc biệt là chất lượng đào tạo, yếu tố quyết định sự tồn tại, phát triển và sự thành công trong cạnh tranh tuyển sinh, giúp Nhà trường phát triển một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu của xã hội và các bên liên quan.

2.2.2. Yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

- Hệ thống ĐBCL được vận hành theo mô hình ĐBCL bên trong của Trường ĐHKT.

- Để vận hành hệ thống ĐBCL bên trong cần sự tham gia, hợp tác, cùng phối hợp và chịu trách nhiệm giải trình từ cấp Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, GV, NH, nhân viên hỗ trợ đến các bên liên quan khác.

- Hoạt động ĐBCL được triển khai thực hiện theo 04 bước của chu trình PDCA (lập kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch, giám sát theo dõi việc thực hiện kế hoạch, cải tiến các hoạt động). Thực chất của quá trình quản lý chất lượng là sự cải tiến liên tục.

- Các thông tin, dữ liệu, minh chứng cho các hoạt động ĐBCL thuộc Hệ thống theo chu kỳ TĐG chất lượng giáo dục là 05 năm.

2.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Giáo dục

2.3.1. Chức năng

Trung tâm ĐBCLGD được thành lập theo Quyết định số 2175/QĐ-TCNS ngày 9/12/2009 có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng tổ chức, quản lý công tác đánh giá, kiểm định, ĐBCL giáo dục và khảo thí trong Trường.

2.3.2. Nhiệm vụ

- Tham mưu xây dựng và ban hành các văn bản quản lý (quy định, hướng dẫn, kế hoạch...) về ĐBCL và khảo thí.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ:

1) Đảm bảo chất lượng

- + Đầu mối triển khai thực hiện công tác KĐCL giáo dục đơn vị đào tạo và KĐCL CTĐT của Trường theo quy định;
- + Quản lý, giám sát và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá, ĐBCL đào tạo trong Trường;
- + Đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng sau TĐG, KĐCL giáo dục, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các điều kiện ĐBCL đối với các đơn vị trong Trường;
- + Nghiên cứu ứng dụng các mô hình ĐBCL trong nước và quốc tế vào thực tiễn;
- + Xây dựng, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức ĐBCL và KĐCL quốc tế;
- + Tổ chức lưu giữ và bảo mật cơ sở dữ liệu của Trường về công tác ĐBCL, KĐCL;
- + Tổ chức các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo và tập huấn chuyên môn về công tác đánh giá, ĐBCL, khảo thí và KĐCL giáo dục cho cán bộ trong trường và các tổ chức xã hội, giáo dục ngoài trường;
- + Đầu mối thực hiện báo cáo công tác ĐBCL trong trường theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN và các bên liên quan.

2) Khảo thí

- + Tham mưu, tư vấn việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho các Khoa/Viện;
- + Tiếp nhận và quản lý các ngân hàng câu hỏi thi, đề thi theo quy định do các Khoa/Viện cung cấp. Bảo mật đề thi theo đúng quy định;
- + Giám sát quy trình thực hiện các hoạt động khảo thí trong trường;
- + Cung cấp các đề thi học phần thuộc ngân hàng câu hỏi thi do đơn vị quản lý;
- + Tư vấn, hỗ trợ các Khoa/Viện thiết kế về kỹ thuật xây dựng bảng trọng số nội dung và cấu trúc đề thi.

2.4. Chính sách chất lượng

Trường ĐHKHT cam kết: (1) Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực CLC theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam; (2) Sáng tạo và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho Chính phủ, các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; (3) Tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các

lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; (4) Thường xuyên nâng cao hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng.

2.5. Kiểm định chất lượng giáo dục và chế độ báo cáo

2.5.1. Kiểm định chất lượng

KĐCL giáo dục đã được hình thành và phát triển từ lâu. Hiện nay, hoạt động này ngày càng phổ biến bởi nó là một công cụ hiệu quả giúp các CSGD kiểm soát và ĐBCL đào tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các CSGD. Hội đồng kiểm định GDĐH của Hoa Kỳ - CHEA, 2003 cho rằng "*KĐCL là một quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được GDĐH sử dụng để khảo sát, đánh giá các CSGD và các ngành đào tạo nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng*". Ở Việt Nam, "*KĐCL giáo dục là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và CSGD khác. Việc KĐCL giáo dục được thực hiện định kỳ trong phạm vi cả nước và đối với từng CSGD. Kết quả KĐCL giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát*" (Điều 17, Luật Giáo dục (năm 2005)).

Vai trò của KĐCL giáo dục:

Thứ nhất, KĐCL giáo dục giúp các trường đại học định hướng và xác định chuẩn chất lượng cho từng hoạt động. Chuẩn mực chất lượng đã được Bộ GD&ĐT xác định đầu tiên vào năm 2007 (Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 1 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) đó là bộ tiêu chuẩn gồm 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí và những chỉ số cụ thể mà các trường cần phải đạt để ĐBCL toàn diện. Việc phân tích, mô tả hiện trạng, chỉ ra điểm mạnh, tìm được tồn tại đồng thời lập kế hoạch hành động và đề ra giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại này chính là những định hướng phát triển cho giai đoạn tiếp theo của các CSGD.

Thứ hai, KĐCL giáo dục giúp các trường đại học có cơ hội xem xét lại toàn bộ hoạt động của mình một cách có hệ thống để từ đó điều chỉnh các hoạt động theo một chuẩn mực nhất định. Đã có nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng như: chất lượng được đánh giá bằng yếu tố “đầu vào”, “đầu ra” hay bởi “giá trị gia tăng”... Tuy nhiên, để đánh giá chính xác chất lượng của một CSGD cần có cái nhìn tổng thể về toàn bộ hoạt động của nhà trường. Bản thân KĐCL giáo dục sẽ không tạo ra chất lượng ngay cho mỗi trường, mà nó chính là hoạt động phản ánh toàn bộ thực trạng của nhà trường, giúp cho các nhà quản lý nhìn nhận những mặt mạnh, mặt yếu của đơn vị mình để từ đó có bước hành động tiếp theo phù hợp.

Thứ ba, KĐCL giáo dục là lời tuyên bố chắc chắn tới các bên liên quan về hiện trạng chất lượng của trường. Việc tự nguyện đăng ký KĐCL giáo dục được xem là lời cam kết về chất lượng đào tạo mà nhà trường mang lại cho NH và các bên liên quan khác như: NSDLĐ, xã hội. Thêm vào đó, hoạt động đánh giá ngoài được thực hiện thông qua bên thứ ba là các chuyên gia có kinh nghiệm trong đào tạo, nghiên cứu và quản lý GDDH sẽ mang tính khách quan trong việc công nhận chất lượng của nhà trường.

Thứ tư, KĐCL giáo dục tạo cơ sở xây dựng văn hoá chất lượng cho CSGD. Hoạt động KĐCL giáo dục dựa trên các chỉ số, các chuẩn mực để đánh giá, do đó, các thông tin này sẽ giúp mỗi thành viên của CSGD hiểu rõ hơn công việc của mình và của những người liên quan; qua đó, họ biết chủ động không ngừng nâng cao chất lượng công việc của mình, góp phần cùng những người liên quan hành động theo chất lượng.

Thực hiện chủ trương của Nhà trường về việc tăng cường ĐBCL đào tạo, tính đến thời điểm hiện tại Trường ĐHKHT đã hoàn thành tốt mục tiêu đã đặt ra: Năm 2015 Nhà trường hoàn thành KĐCL CSGD theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL GDDH của Bộ GD&ĐT; 02 CTĐT ngành Kinh tế quốc tế và Quản trị kinh doanh được kiểm định chất lượng Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA) năm 2011 và năm 2015; 04 CTĐT ngành TCNH CLC, Kế toán, Kinh tế và Kinh tế phát triển được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; Đồng thời, Nhà trường xây dựng lộ trình đánh giá ngoài và xác định kiểm định 100% các CTĐT của Trường theo chuẩn ACBSP (Hội đồng kiểm định các trường học và CTĐT về kinh doanh (Hoa Kỳ)).

Các văn bản của Nhà nước về KĐCL như sau:

- Luật GDDH năm 2019;
- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;
- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;
- Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về KĐCL CSGD đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và ĐCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn TĐG CTĐT;

- Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và ĐCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn đánh giá ngoài CTĐT;

- Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc thay thế bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/7/2018;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GĐĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

2.5.2. Chế độ báo cáo

Để việc thực hiện các báo cáo có liên quan đến hoạt động ĐCL giáo dục cấp CTĐT phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, **Thông tư 19/2020/TT-BGDĐT** ngày 29/6/2020 của Bộ GD&ĐT đã quy định:

- 1) Nội dung yêu cầu báo cáo;
- 2) Đối tượng thực hiện;
- 3) Kỳ báo cáo;
- 4) Phương thức gửi, nhận báo cáo;
- 5) Thời gian chốt số liệu báo cáo;
- 6) Thời hạn gửi báo cáo;
- 7) Mẫu đề cương báo cáo;
- 8) Biểu số liệu báo cáo đối với các báo cáo này.

Theo đó, các CSGD đại học có CTĐT được kiểm định chất lượng giáo dục cần thực hiện định kỳ (hàng năm/giữa chu kỳ kiểm định) các báo cáo sau:

Điều 17. Báo cáo kết quả ĐCL CTĐT và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT **sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng** (Mẫu số 10 và Biểu mẫu I.10a/BGDĐT/QLCL).

Điều 18. Báo cáo giữa kỳ kết quả ĐCL CTĐT và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT (Mẫu số 11 và Biểu mẫu I.11a/BGDĐT/QLCL).

Điều 19. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục các CTĐT đã được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng trong năm (Mẫu số 12).

2.6. Thông tin cơ bản về đánh giá chất lượng giáo dục và mô hình đảm bảo chất lượng bên trong

2.6.1 Thông tin về đánh giá chất lượng giáo dục

Đánh giá chất lượng giáo dục là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá đối với toàn bộ các hoạt động của CSGD hoặc CTĐT. Hoạt động đánh giá chất lượng là một phần của hoạt động ĐBCL, là cơ sở để duy trì và cải tiến chất lượng. Hoạt động đánh giá bao gồm đánh giá trong (hay còn gọi là TĐG) và đánh giá ngoài. Hoạt động đánh giá ngoài bao gồm 2 hình thức cơ bản sau:

- *Đánh giá ngoài đồng cấp*: Do tổ chức hoặc nhóm chuyên gia bên ngoài (trường/khoa/ngành đào tạo) thực hiện nhằm xem xét và đưa ra những ý kiến về điểm mạnh và điểm tồn tại của CSGD hoặc CTĐT đồng thời tư vấn cho đơn vị các hoạt động cần cải tiến để nâng cao chất lượng. Hoạt động đánh giá này phải dựa trên cơ sở TĐG.

- *KĐCL*: là hoạt động đánh giá ngoài do các nhóm chuyên gia/kiểm định viên thuộc cơ quan kiểm định (thường được nhà nước cho phép hoạt động) thực hiện nhằm xác định và công nhận những điểm mạnh và điểm tồn tại của CSGD hoặc CTĐT, đồng thời cấp giấy chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng đào tạo. Hoạt động đánh giá này dựa trên cơ sở TĐG.

2.6.2. Mục đích của đánh giá chất lượng giáo dục

Hoạt động TĐG và đánh giá ngoài ở bậc đại học thường diễn ra ở 2 cấp độ là: cấp CSGD và cấp CTĐT. Hoạt động đánh giá ngoài bao gồm các mục đích sau:

(i) Là cơ sở để thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cũng như các mặt hoạt động của đơn vị đào tạo.

(ii) Thể hiện trách nhiệm giải trình với NH và xã hội về chất lượng đào tạo trong việc công khai chất lượng của CSGD hoặc CTĐT được các chuyên gia bên ngoài đánh giá khách quan, độc lập. Làm cơ sở cho NH lựa chọn CTĐT và NSDLĐ tuyển chọn được nguồn nhân lực CLC.

2.6.3. Quy trình đánh giá chất lượng giáo dục

Quy trình đánh giá ngoài đồng cấp và KĐCL CTĐT/CSGD được thực hiện theo các bước sau:

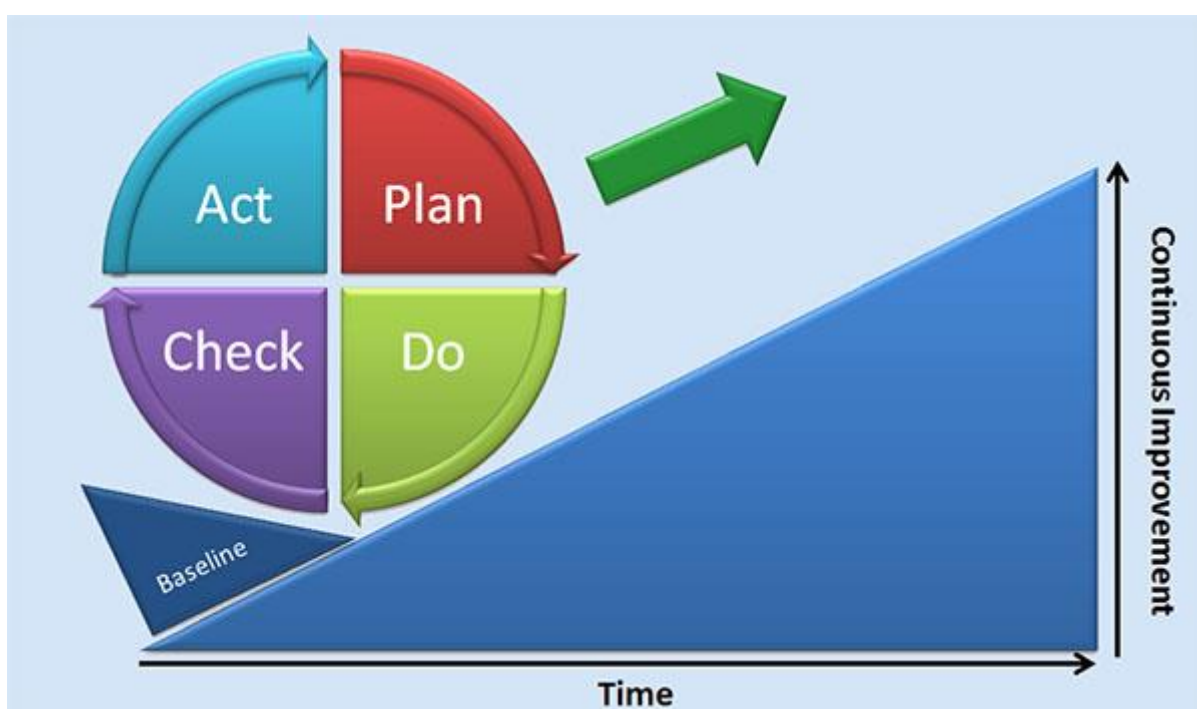
Bước 1: Tự đánh giá;

Bước 2: Đánh giá ngoài;

Bước 3: Thẩm định kết quả đánh giá;

Bước 4: Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (đối với trường hợp KĐCL).

Quy trình chung của hoạt động ĐBCL bao gồm các bước: Lập kế hoạch (Plan), thực hiện (Do), kiểm tra, giám sát (Check) và cải tiến (Act) hay gọi tắt là PDCA theo mục tiêu chất lượng đặt ra trong kế hoạch, sau đó tiếp tục chu kỳ PDCA tiếp theo để cải tiến liên tục, nâng cao dần chất lượng các hoạt động của nhà trường.



Hình 1: Quy trình PDCA theo tinh thần liên tục cải tiến chất lượng

2.6.4. Mô hình đảm bảo chất lượng bên trong cơ sở giáo dục

Đối với các trường đại học ở Việt Nam, ngoài việc tiếp cận với hệ thống ĐBCL bên trong theo quy định đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo của Bộ GD&ĐT, các trường đại học có thể chọn lựa các mô hình ĐBCL bên trong của những tổ chức giáo dục trên thế giới phù hợp với định hướng phát triển đề ra.

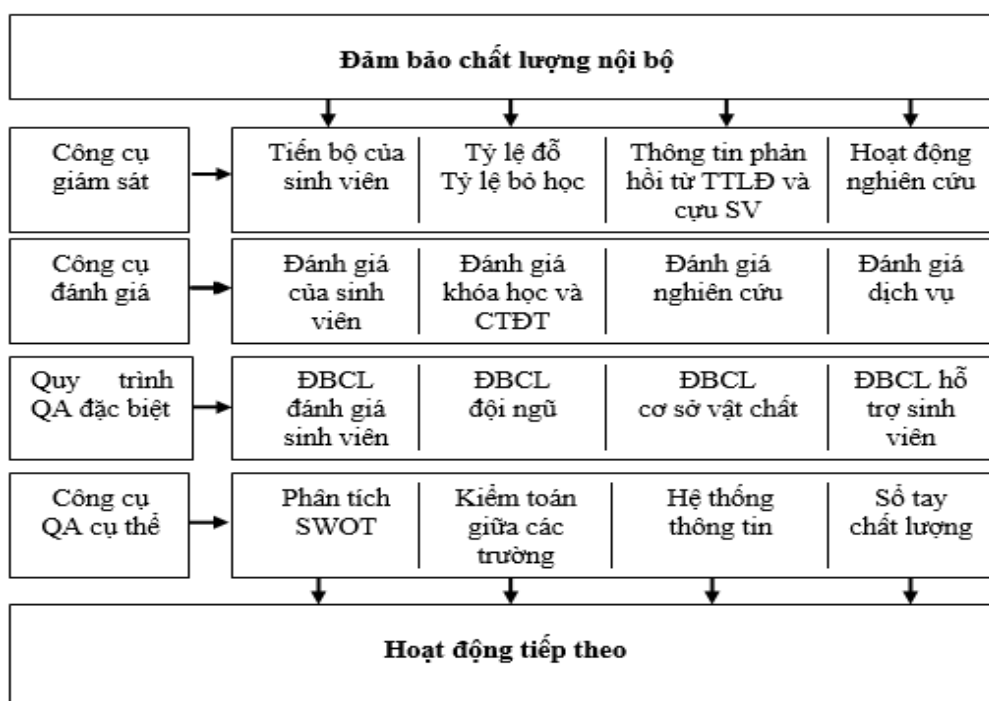
Theo AUN - QA, mô hình ĐBCL được hình thành ở 3 cấp độ khác nhau: cấp chiến lược; cấp hệ thống và cấp triển khai; Trong đó, ĐBCL bên trong đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên hệ thống ĐBCL nội bộ. ĐBCL bên trong chính là thực hiện đảm bảo rằng một CSGD đại học, một CTĐT có các chính sách và cơ chế đáp ứng những mục tiêu và tiêu chuẩn đề ra.



Hình 2: Mô hình ĐBCL bên trong CSGD

2.6.5. Mô hình đảm bảo chất lượng bên trong chương trình đào tạo

Mô hình ĐBCL cấp CTĐT của AUN – QA bắt đầu với việc xác định các nhu cầu của người hưởng lợi (NH, GV, NSDLĐ...) các nhu cầu này được đề cập đến trong CĐR của chương trình.



Hình 3: Mô hình ĐBCL bên trong CTĐT

2.7. Phạm vi áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng

Phạm vi áp dụng của hệ thống ĐBCL bên trong Nhà trường được áp dụng theo hai cấp đó là cấp CSGD và cấp CTĐT. Nguyên tắc để áp dụng hệ thống ĐBCL là cho toàn bộ các đơn vị (Phòng, Khoa, Trung tâm, Viện trực thuộc Trường) cùng tất cả các cán bộ GV, NH đang tham gia công tác, học tập và nghiên cứu tại Trường.

CHƯƠNG 3: CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

3.1. Hoạt động đào tạo

Với mục tiêu trở thành một trường đại học đạt chuẩn quốc tế và với sứ mệnh cung cấp nguồn nhân lực CLC theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững của Việt Nam, công tác đào tạo tại Trường ĐHKT luôn hoạt động dựa trên triết lý đào tạo của trường là “Giáo dục chuẩn quốc tế, kiến tạo, tư duy tự lập, hài hòa, giữ vững bản sắc, trở thành chuyên gia, lãnh đạo”. Ý nghĩa của triết lý là quốc tế hóa giáo dục, nghiên cứu ứng dụng thực tiễn, tư vấn và cung cấp dịch vụ đào tạo hoàn hảo, tận dụng tối đa hiệu quả kết nối tổng lực để hội nhập, đạt chất lượng quốc tế và NH trở thành công dân toàn cầu, giữ vững bản sắc dân tộc, có “Tâm - Đức - Trí - Tài” để phụng sự tổ quốc. Hiện nay, Trường ĐHKT đang đào tạo 05 CTĐT bậc tiến sĩ, 07 CTĐT bậc thạc sĩ, 07 CTĐT bậc cử nhân, 09 CTĐT cử nhân bằng kép và 04 CTĐT liên kết quốc tế (gồm 02 cử nhân và 02 thạc sĩ).

Để ĐBCL hoạt động đào tạo, Trường ĐHKT đã ban hành các quy trình/quy định giám sát cụ thể sau:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	QT xét công nhận tốt nghiệp cử nhân	01/QT-ĐT
2	QT thực hiện khóa luận tốt nghiệp	02/QT-ĐT
3	QT tổ chức thi và quản lý điểm	03/QT-ĐT
4	QT xét học vụ	04/QT-ĐT
5	QT xây dựng thời khóa biểu và đăng ký học phần	05/QT-ĐT
6	QT biên soạn học liệu, đề cương học phần	06/QT-ĐT
7	QT thực hiện luận văn thạc sĩ	07/QT-ĐT
8	Quy định tổ chức và thực hiện dự giờ giảng viên	QĐ số 421/QĐ- ĐHKT ngày 21/02/2019
9	Quy định tổ chức và quản lý các chương trình thạc sĩ CLC của Trường ĐHKT - ĐHQGHN	QĐ số 219/QĐ- ĐHKT ngày 15/01/2019

3.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

3.2.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Bên cạnh hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH cũng là một trong những hoạt động cốt lõi của Trường ĐHKHT. Một trong những chủ trương chiến lược của Nhà trường là gắn NCKH vào hoạt động đào tạo bằng các sản phẩm cụ thể đã được đưa vào tài liệu giảng dạy; sản phẩm nghiên cứu gắn với các cuộc thi NCKH, khởi nghiệp trong SV; sản phẩm nghiên cứu gắn với thực tiễn trong hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp.

Hiện nay, Trường ĐHKHT có 13 nhóm nghiên cứu với các hướng nghiên cứu chiến lược đáp ứng nhu cầu xã hội, trong đó có 04 nhóm nghiên cứu mạnh, 01 nhóm nghiên cứu tiềm năng và 01 phòng nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN. Các sản phẩm nghiên cứu trọng điểm của Nhà trường liên quan đến các vấn đề như: kinh tế vĩ mô, hội nhập kinh tế quốc tế, quản trị tinh gọn và năng suất chất lượng, quản lý Nhà nước về an ninh kinh tế, phát triển kinh tế tuần hoàn, bền vững, tài chính xanh và tài chính giáo dục, ... đã đóng góp mạnh mẽ vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước; đồng thời được cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Để có được những kết quả trên, bên cạnh những chính sách thúc đẩy, khuyến khích cho GV/nhà khoa học, Nhà trường đã ban hành các quy trình/quy định để giám sát, đánh giá hiệu quả, ngăn ngừa những rủi ro trong quá trình thực hiện, cụ thể:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	QT NCKH cấp nhà nước	01/QT-NCKH
2	QT NCKH cấp Đại học Quốc gia	02/QT-NCKH
3	QT NCKH cấp cơ sở	03/QT-NCKH
4	QT quản lý NCKH SV	04/QT-NCKH
5	Quy định về quản lý hoạt động NCKH tại Trường ĐHKHT – ĐHQGHN	QĐ số 1525/QĐ- ĐHKHT ngày 19/5/2021

3.2.2. Hoạt động hợp tác quốc tế

Từ năm 2015 đến nay, Trường ĐHKHT đẩy mạnh các hoạt động hợp tác phát triển, tiếp tục mở rộng mạng lưới đối tác trong nước và quốc tế. Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác với hơn 50 đối tác quốc tế và các trường đại học xếp thứ hạng cao trên thế giới. Nhà trường đặc biệt chú trọng tới việc quốc tế hoá môi trường học tập, thông

qua các thoả thuận hợp tác trao đổi SV quốc tế với việc SV được học tập từ 1 đến 2 kỳ học miễn học phí tại hơn 30 trường đối tác trên khắp các châu lục.

Đối với hoạt động hợp tác quốc tế Nhà trường ban hành các quy trình/quy định giám sát như sau:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	QT quản lý đoàn ra - đoàn vào	01/QT-HTPT
2	QT quản lý phát triển dự án	02/QT-HTPT
3	QT quản lý chương trình liên kết đào tạo quốc tế	03/QT-HTPT
4	Quy định về quản lý hoạt động hợp tác phát triển tại Trường ĐHKT - ĐHQGHN	QĐ số 1955/QĐ-ĐHKT 19/07/2017

3.3. Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Trường ĐHKT luôn thực hiện tốt công tác nắm bắt tình hình tư tưởng của SV trong bối cảnh mới. Hàng năm, Nhà trường tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, hội nghị cán bộ đoàn, cán bộ lớp cho SV, các công tác chỉ đạo đảm bảo an ninh chính trị nội bộ trong SV được đẩy mạnh và giám sát chặt chẽ. Các tổ chức đoàn thể thường xuyên hỗ trợ các hoạt động và chăm lo tốt đời sống của NH.

Công tác đảm bảo quyền lợi cho SV được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời. Hàng năm, Trường dành 8% trên tổng nguồn thu học phí cho học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội. Ngoài ra SV Nhà trường cũng được nhận mỗi năm khoảng 50 loại học bổng tài trợ từ xã hội. Các lợi ích khác như bảo hiểm y tế, khám sức khỏe của SV cũng được thực hiện định kỳ, thường xuyên.

Định kỳ hàng năm Nhà trường tổ chức chuỗi ngày hội việc làm, thu hút hơn 100 doanh nghiệp tham gia tuyển dụng; phối hợp với Hội cựu SV khai thác, tổ chức các hoạt động của Hội, khai thác học bổng, cơ hội việc làm, thực tập thực tế từ các cựu SV thành đạt, các doanh nghiệp/tổ chức... có mối quan hệ mật thiết với trường. Nhà trường chú trọng nâng cao kỹ năng mềm để chuẩn bị hành trang lập nghiệp thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn miễn phí, đem đến cho SV những trải nghiệm thực tiễn sinh động bởi những diễn giả trong và ngoài nước có uy tín, có tầm ảnh hưởng cao trong xã hội.

Theo đó, Nhà trường ban hành các quy trình/quy định giám sát hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH như sau:

STT	Tên quy trình/Quy định	Số hiệu
1	QT tổ chức đón SV nhập học	02/QT-CTSV
2	QT xử lý phàn nàn khiếu nại của khách hàng	03/QT-CTSV
3	Qui định về đánh giá kết quả rèn luyện của SV chính qui Trường ĐHKT	QĐ số 94/QĐ-CTSV ngày 11/01/2021
4	Quy định quản lý và sử dụng học bổng tại Trường ĐHKT	QĐ số 735/QĐ-ĐHKT ngày 15/3/2021
5	Quy định về công tác bảo hiểm y tế đối với SV tại Trường ĐHKT	QĐ số 280/QĐ-ĐHKT ngày 28/01/2021

3.4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

Ở Việt Nam, nhiệm vụ kết nối và PVCĐ của các CSGD bắt đầu được quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về KĐCL CSGD đại học. Thông qua một số tiêu chí đánh giá chất lượng CSGD, và kể đó là ở định nghĩa về CSGD đại học tại Luật GDĐH (sửa đổi 2018): “CSGD đại học là CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của GDĐH, hoạt động khoa học và công nghệ và PVCĐ”.

Thuật ngữ liên quan đến hoạt động hỗ trợ và PVCĐ được sử dụng rất đa dạng, như hoạt động gắn kết cộng đồng (community engagement), phục vụ/dịch vụ cộng đồng (community service), học tập dựa vào cộng đồng (community-based learning), hoạt động vì cộng đồng (community outreach), hoạt động tình nguyện (volunteerism), NCKH dựa vào cộng đồng (community-based research), ... Sau đây là khái niệm của một số thuật ngữ cơ bản:

- Cộng đồng (community)⁴: là nhóm những người có cùng sở thích, có cùng các đặc điểm chung hoặc sống trong cùng khu phố, phường, quận, huyện, thành phố, tỉnh, quốc gia, khu vực. Ví dụ như cộng đồng các nhà khoa học, cộng đồng những người sử dụng internet, cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng địa phương,

- Phục vụ/dịch vụ cộng đồng (community service)⁵ là những hoạt động được thực hiện bởi một hoặc nhóm người tình nguyện, trên nền tảng phi lợi nhuận, được tiến hành bởi các tổ chức nhằm mang lại lợi ích cho xã hội, cho cộng đồng. Những công việc này thường được thực hiện xung quanh nơi sinh sống, trong khu vực, quốc gia hay có thể có quy mô quốc tế.

⁴ Xem thêm tại <https://www.lexico.com/definition/community>

⁵ Xem thêm tại: <https://blog.prepscholar.com/what-is-community-service>

- Gắn kết cộng đồng (community engagement)⁶ được hiểu là các kết nối mang lại giá trị lâu dài cho các thành viên trong và ngoài tổ chức, ở phạm vi địa phương, khu phố, trong một quốc gia hoặc mang tầm quốc tế. Mục đích của gắn kết cộng đồng là nhằm tăng cường trách nhiệm cá nhân, tổ chức trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và đóng góp cho các lợi ích của cộng đồng lẫn tổ chức. Vì vậy, đối tượng hưởng lợi trong gắn kết cộng đồng bao gồm cả cộng đồng lẫn tổ chức tham gia.

Theo đó, hoạt động kết nối và PVCD của Trường ĐHKT được thể hiện qua các hoạt động cụ thể như sau:

i) *Kết nối và PVCD thông qua hoạt động NCKH*: Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể từng nội dung, tập trung vào một số chỉ tiêu nhằm PVCD như: Hợp đồng tư vấn, sản phẩm khoa học chuyên giao... Từ chiến lược khoa học công nghệ được xây dựng, hàng năm Trường ĐHKT căn cứ vào kinh phí chi thường xuyên theo chức năng được cấp sẽ có phân bổ cụ thể cho các hoạt động nhằm thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường.

ii) *Kết nối và PVCD thông qua xây dựng, cải tạo CSVC*: Cung cấp các dịch vụ về CSVC để PVCD như sửa chữa, cải tạo khuôn viên Trường theo hướng giảng đường xanh, gần gũi với tự nhiên. Đầu tư xây dựng mô hình trường Đại học xanh, sạch, đẹp với không gian làm việc mở và nơi học tập thân thiện, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các nhà khoa học và NH.

iii) *Kết nối và PVCD thông qua hoạt động hỗ trợ NH*: Nhà trường hỗ trợ NH bằng các chương trình hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng mềm, thực tập thực tế, trải nghiệm và tuyển dụng tại doanh nghiệp, hội chợ việc làm nhằm kết nối các tổ chức, doanh nghiệp với NH tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp; các chính sách hỗ trợ học phí, học bổng cho NH, ...

iv) *Kết nối và PVCD thông qua các hoạt động Đoàn thể*: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện và tham gia các hoạt động thiện nguyện bên ngoài Trường tổ chức. Cụ thể như: mùa hè xanh; Tiếp sức mùa thi; Mùa đông ấm; Hiến máu; thăm các trung tâm bảo trợ xã hội; ...

⁶ Xem thêm tại: <https://cft.vanderbilt.edu/guides-sub-pages/teaching-through-community-engagement/>

CHƯƠNG 4: CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

4.1. Nguồn nhân lực

Để các hoạt động ĐBCL được thực hiện tốt thì vai trò của nguồn nhân lực của Nhà trường là rất quan trọng. Chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý, GV và chuyên viên là một trong những yếu tố quyết định đến hiệu quả của các hoạt động ĐBCL. Chính vì vậy, trong những năm qua, đội ngũ cán bộ của Trường đã được phát triển mạnh cả về chất lượng và số lượng.

Hiện nay, tổng số cán bộ của Trường là 264 người, trong đó tổng số GV cơ hữu là 135 người; Giáo sư, Phó Giáo sư là 28 người; Số GV có trình độ tiến sĩ (không bao gồm GS, PGS) là 65 người chiếm 48,5%, gần 70% GV tốt nghiệp ở nước ngoài. Số lượng GV mới tuyển ngày càng trẻ hóa và phần lớn đều tốt nghiệp ở nước ngoài, có khả năng NCKH và công bố quốc tế. Nhà trường có đội ngũ cán bộ giảng dạy trình độ cao, được đào tạo bài bản, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tâm huyết với nghề nghiệp, nhiều nhà khoa học là những chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Về nhân sự khối hành chính, số lượng những năm gần đây không tăng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp ngày càng được nâng cao, phù hợp với định hướng phát triển của trường.

Liên quan đến công tác nhân sự, Nhà trường đã xây dựng các quy trình/quy định thực hiện sau:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	QT Bổ nhiệm lại/Kéo dài thời gian giữ chức vụ	01/QT-TCNS
2	QT Bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự bên ngoài đơn vị	02/QT-TCNS
3	QT Bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự bên trong đơn vị	03/QT-TCNS
4	QT Cử cán bộ đi công tác trong nước	04/QT-TCNS
5	QT Nâng bậc lương và thực hiện chế độ thâm niên vượt khung	06/QT-TCNS
6	QT Thanh toán chế độ	07/QT-TCNS
7	QT Thôi việc/Chuyển công tác	08/QT-TCNS
8	QT Tuyển dụng lao động hợp đồng	09/QT-TCNS

9	Quy định ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động trong Trường ĐHKT- ĐHQGHN	QĐ số 1124/QĐ-ĐHKT ngày 12/04/2021
10	Quy định về đánh giá công chức, viên chức, lao động hợp đồng tại Trường ĐHKT- ĐHQGHN	QĐ số 3346/QĐ-ĐHKT ngày 14/11/2019
11	Quy định kéo dài thời gian làm việc đối với GV đủ tuổi nghỉ hưu và thực hiện chế độ hưu trí đối với công chức, viên chức, người lao động tại Trường ĐHKT- ĐHQGHN	QĐ số 978/QĐ-ĐHKT 23/04/2019
12	Quy định đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động Trường ĐHKT- ĐHQGHN	QĐ số 3068/QĐ-ĐHKT ngày 19/11/2018

4.2. Tài chính và quy trình quản lý tài chính

Tài chính là một trong những công cụ có vai trò quan trọng trong Nhà trường. Tài chính cho hoạt động giáo dục trong Nhà trường là chính sách vận động đồng tiền để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo NH. Công tác tài chính tại Trường ĐHKT luôn được đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật. Trong những năm qua, Nhà trường đã nỗ lực đa dạng hóa các nguồn thu, trong đó chú trọng khai thác các nguồn thu ngoài ngân sách, nguồn thu bổ sung, đặc biệt là thu từ hoạt động đào tạo liên thông, liên kết, từ tài trợ của các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ngoài ra, các thủ tục thanh quyết toán tài chính cũng được tinh giản, đảm bảo nhanh gọn và hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động của Nhà trường. Hoạt động tài chính ngày càng rành mạch, rõ ràng, gắn với nhiệm vụ và kết quả hoạt động.

Nhà trường đã xây dựng các quy trình/quy định về công tác tài chính và quản lý tài chính như sau:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	QT xây dựng và quản lý công việc KPIs	01/QT-KHTC
2	QT thu và quản lý phí, học phí tại Trường ĐHKT	02/QT-KHTC
3	QT sử dụng kinh phí trong Trường ĐHKT	03/QT-KHTC
4	QT thanh toán thu nhập cán bộ	04/QT-KHTC
5	QT thanh toán vượt giờ và thanh toán cho GV thỉnh giảng	05/QT-KHTC

4.3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Cũng giống như nguồn nhân lực và tài chính, CSVC là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện được các hoạt động ĐBCL. Nhận thức được tầm quan trọng đó, giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã có sự đột phá mạnh mẽ về CSVC. Nhà

trường đặc biệt chú trọng công tác đầu tư có trọng điểm, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực. Hệ thống các giảng đường, phòng làm việc của Trường được cải tạo, sửa chữa, sắp xếp tinh gọn và đầu tư hệ thống trang thiết bị theo hướng hiện đại. Đặc biệt, trong năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã phối hợp với Ban Quản lý các dự án - ĐHQGHN triển khai dự án "Mô hình thí điểm Trường Đại học xanh hướng tới tiết kiệm năng lượng tại Trường ĐHKT - ĐHQGHN" với việc trang bị: Hệ thống thiết bị chuyên hóa năng lượng mặt trời sang năng lượng điện; Hệ thống thiết bị tiết kiệm năng lượng - ứng phó biến đổi khí hậu; và hệ thống Phòng sinh hoạt "Cộng đồng sáng tạo xanh" khẳng định Trường ĐHKT là đơn vị đầu tiên của ĐHQGHN được cải tạo theo mô hình thí điểm "Trường Đại học xanh".

Hiện nay, tổng số hệ thống phòng học chuẩn, CLC là 51 phòng; 04 phòng học máy tính; 63 phòng làm việc; nâng tổng diện tích sử dụng của Nhà trường lên 10.809 m².

Về trang thiết bị dạy học, 100% các phòng học được bố trí loa, micro, máy chiếu. Trường đã nâng cấp 03 phòng làm việc thành phòng thực hành máy tính với hệ thống máy tính xách tay hiện đại, việc nâng tổng số phòng thực hành máy tính thành 04 phòng giúp Nhà trường chủ động hơn trong hoạt động đào tạo tin học thực hành và kế toán.

Liên quan đến công tác CSVC và thiết bị dạy học, Nhà trường đã xây dựng các quy trình/quy định sau:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	QT Mua sắm tài sản	06/QT-HCTH
2	QT Quản lý tài sản	07/QT-HCTH
3	Quy định về việc quản lý và sử dụng hệ thống camera giám sát an ninh tại Trường ĐHKT- ĐHQGHN	QĐ số 596/QĐ-ĐHKT ngày 01/03/2021
4	Quy định phòng cháy chữa cháy tại Trường Trường ĐHKT- ĐHQGHN	QĐ số 189/QĐ-ĐHKT ngày 16/01/2018
5	Quy định về Quản lý và Khai thác Hệ thống thông tin tại Trường ĐHKT- ĐHQGHN	QĐ số 3681/QĐ-ĐHKT 29/12/2017

4.4. Thông tin nội bộ

Để đảm bảo thông tin liên quan đến các hoạt động ĐBCL được thông suốt và nhất quán giữa các đơn vị, phòng ban chức năng trong toàn trường, Trường chủ động xây dựng và duy trì hệ thống thông tin nội bộ, qua các kênh:

- Các cuộc họp định kỳ có liên quan đến công tác ĐBCL.
- Hệ thống văn bản ban hành có liên quan đến công tác ĐBCL.
- Các quy trình, thủ tục điều hành trong hệ thống ĐBCL.
- Hệ thống email, hệ thống văn bản E-office và các phần mềm ứng dụng cho hầu hết các hoạt động quản lý và đào tạo.

CHƯƠNG 5. CÁC CÔNG CỤ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

5.1. Giám sát và đánh giá quá trình học tập của người học

Hoạt động giám sát và đánh giá quá trình học tập của NH được Nhà trường thiết lập theo hệ thống lập, được thực hiện bởi Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra và Pháp chế, Phòng Chính trị và Công tác SV, các Khoa/Viện, đội ngũ cố vấn học tập và GV các lớp học phần.

Hoạt động giám sát và đánh giá quá trình học tập của NH được thực hiện chủ yếu thông qua phần mềm đào tạo tại link <http://10.12.1.12/daotaov3/>. Cụ thể:

i) Phòng đào tạo sắp xếp thời khóa biểu theo tiến trình đào tạo của các CTĐT. Từ năm thứ nhất, NH được Nhà trường cung cấp thông tin về tiến trình đào tạo của khóa học, giúp NH theo dõi và có kế hoạch đăng ký học phần phù hợp cho từng kỳ học. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, Phòng đào tạo công bố lịch trình đào tạo của năm học với các mốc thời gian cụ thể.

ii) Phòng Đào tạo giám sát kết quả học tập của NH theo kỳ học thông qua phần mềm đào tạo và công bố kết quả học tập của NH thông qua portal SV tại <https://daotao.vnu.edu.vn>. NH có thể theo dõi kết quả học tập và giám sát tiến độ hoàn thành chương trình học thông qua portal.

iii) Phòng Đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của NH; tỷ lệ học lại, thi lại các học phần thông qua phần mềm quản lý đào tạo. Từ đó, Phòng Đào tạo thông báo cảnh báo học vụ tới các Khoa/Viện QTKD và NH để các đơn vị và NH có biện pháp can thiệp.

Ngoài ra, giám sát và đánh giá quá trình học tập của NH còn được Nhà trường tiến hành thông qua các hoạt động sau:

i) Phòng Thanh tra và Pháp chế giám sát tình hình thực hiện kỷ cương dạy và học của mỗi kỳ học với hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên công tác dạy và học, thi kết thúc học phần.

ii) GV của lớp học phần giám sát quá trình học tập của NH tại lớp học phần đó và đánh giá kết quả học tập thông qua các trọng số điểm của học phần.

iii) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, các Khoa/Viện và đội ngũ cố vấn học tập là những người theo dõi, hỗ trợ, tư vấn cho NH từ học tập, rèn luyện, chế độ

chính sách đến sức khỏe, tâm lý học đường, đời sống của NH. Kết quả rèn luyện của NH được ghi nhận thông qua phần mềm, được lưu vào hồ sơ quản lý NH và được sử dụng để xét cho phép NH đăng kí học phần, xét khen thưởng, kỷ luật hay cấp học bổng.

Hoạt động giám sát và đánh giá quá trình học tập của NH được Nhà trường thực hiện theo các quy định sau:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	Quy chế đào tạo đại học	Số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014
2	Quy định về tổ chức đào tạo đại học tại Trường ĐHKT	Số 5267/QĐ-ĐHKT ngày 17/12/2015
3	Quy định về mẫu đề cương học phần	Số 3605/ĐHKT-ĐT ngày 21/12/2017
4	Quy định về việc ra đề thi kết thúc học phần tại trường ĐHKT	Số 3146/QĐ-ĐHKT ngày 12/11/2013
5	QT xây dựng trọng số nội dung và cấu trúc đề thi học phần	03/QT-ĐBCL
6	QT Xây dựng Bộ đề thi – Ngân hàng câu hỏi thi	04/QT-ĐBCL
7	QT thực hiện khóa luận tốt nghiệp	02/QT-ĐT
8	QT tổ chức thi và quản lý điểm	03/QT-ĐT
9	QT xét học vụ	04/QT-ĐT
10	QT xây dựng thời khóa biểu và đăng ký học phần	05/QT-ĐT
11	QT tính điểm rèn luyện và xét học bổng khuyến khích học tập	01/QT-CTSV
12	Qui định về đánh giá kết quả rèn luyện của SV chính qui Trường ĐHKT	QĐ số 94/QĐ-CTSV ngày 11/01/2021

5.2. Giám sát và đánh giá về hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo

5.2.1. Khảo sát người học về hoạt động đào tạo

*** Mục đích thực hiện**

Hoạt động khảo sát NH về hoạt động đào tạo được tổ chức thường kỳ 2 lần/năm vào cuối học kỳ và kỳ hè (nếu có) nhằm thu thập những ý kiến đánh giá của NH về hai mảng nội dung quan trọng, liên quan trực tiếp đến chất lượng đào tạo là (i) *hoạt động giảng dạy của GV* và (ii) *các điều kiện ĐBCL giảng dạy HP*. Việc trưng cầu ý kiến

đánh giá trên nhằm tạo điều kiện cho NH được tham gia đóng góp các ý kiến cho HP, qua đó Nhà trường và GV có những điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của HP và yêu cầu học tập của NH. Đây là một kênh thông tin quan trọng phục vụ công tác định kỳ rà soát, điều chỉnh bổ sung nội dung, chương trình dạy học của Nhà trường cho phù hợp với nhu cầu của NH và nhu cầu xã hội.

*** Phương pháp và quy trình thực hiện**

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích thông tin trên cơ sở các số liệu thu được từ NH.

- NH thực hiện ĐTKS qua phần mềm ĐTKS survey online theo địa chỉ: <http://survey.ueb.edu.vn> (đối với hệ Đại học) và http://survey.ueb.edu.vn/survey_sdh/login.asp (đối với hệ Sau Đại học) để NH tham gia góp ý trên cơ sở mã đăng nhập tài khoản NH.

- Quy trình thực hiện được tuân thủ theo quy trình ISO số 05/QT-ĐBCL *Quy trình ĐTKS NH về CTĐT* ban hành ngày 18/6/2021.

*** Công cụ ĐTKS**

Công cụ khảo sát trung cầu ý kiến của NH về hoạt động đào tạo là mẫu phiếu điều tra được thiết kế dựa trên cơ sở tham khảo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo liket 5 mức (*từ mức 1 = hoàn toàn không đồng ý, 2 = không đồng ý, 3 = phân vân, 4 = đồng ý, 5 = hoàn toàn đồng ý*), để đo lường các tiêu chí đánh giá có liên quan đến hoạt động đào tạo. Mức 4 = **đồng ý** được xem là mức tối thiểu mà GV phải đáp ứng được khi tham gia giảng dạy tại Trường ĐHKT.

Nội dung phiếu khảo sát trung cầu ý kiến NH tập trung vào các vấn đề sau:

- Thông tin chung: giới tính, ngành theo học, học phần phần và tên GV giảng dạy HP.

- Các thông tin đánh giá, bao gồm:

(i) *Đánh giá HDGD của GV*: các tiêu chí đánh giá có liên quan đến việc truyền tải kiến thức theo yêu cầu của HP và lĩnh vực theo học, đến phương pháp giảng dạy nhằm khuyến khích tư duy phê phán và sáng tạo của SV, phát triển các kỹ năng cho SV và thực hiện trợ giúp cho SV trong quá trình học tập, ...

(ii) *Đánh giá các điều kiện ĐBCL giảng dạy*: gồm các tiêu chí có liên quan đến việc đánh giá mục tiêu của HP, học liệu phục vụ giảng dạy, CSVC phục vụ giảng dạy và sự hỗ trợ của các đơn vị tham gia đào tạo trong chương trình học ...

(iii) *Phần cuối là phiếu trưng cầu*: các tiêu chí đánh giá đề cập đến phân cảm nhận chung của NH về hoạt động đào tạo có liên quan đến GV giảng dạy và HP được giảng dạy trong học kỳ.

5.2.2. Khảo sát người học về chương trình đào tạo và hỗ trợ đào tạo

*** Mục đích thực hiện**

Hoạt động khảo sát NH về CTĐT và hỗ trợ đào tạo được tổ chức thường kỳ 1 lần/năm nhằm thu thập những ý kiến đánh giá của NH năm cuối về (i) Nội dung CTĐT, (ii) Tổ chức và quản lý đào tạo, (iii) Đội ngũ GV và (iv) Hỗ trợ đào tạo. Các thông tin do NH cung cấp sẽ là nguồn thông tin quan trọng giúp Nhà trường và các đơn vị quản lý CTĐT có những đánh giá thực tế về chương trình để có cơ sở đề xuất điều chỉnh CTĐT và cải tiến chất lượng dạy và học.

*** Phương pháp và quy trình thực hiện**

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích thông tin trên cơ sở các số liệu thu được từ NH.

- NH thực hiện ĐTKS qua phần mềm ĐTKS survey online theo địa chỉ: <http://survey.ueb.edu.vn> (đối với hệ Đại học) và http://survey.ueb.edu.vn/survey_sdh/login.asp (đối với hệ Sau Đại học) để NH tham gia góp ý trên cơ sở mã đăng nhập tài khoản NH.

- Quy trình thực hiện được tuân thủ theo quy trình ISO số 05/QT-ĐBCL *Quy trình ĐTKS NH về CTĐT* ban hành ngày 18/6/2021.

*** Công cụ ĐTKS**

Công cụ khảo sát trưng cầu ý kiến của NH về CTĐT và hỗ trợ đào tạo là mẫu phiếu điều tra được thiết kế dựa trên cơ sở tham khảo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo liket 5 mức (*từ mức 1 = hoàn toàn không đồng ý, 2 = không đồng ý, 3 = phân vân, 4 = đồng ý, 5 = hoàn toàn đồng ý*), để đo lường các tiêu chí đánh giá có liên quan đến hoạt động đào tạo. Mức được xem là đáp ứng được mong đợi của SV theo học là **từ mức 4 trở lên**.

Nội dung của bảng hỏi gồm các phần sau:

- Thông tin chung: giới tính, hệ đào tạo, ngành theo học của NH.
- Các tiêu chí đo lường bao gồm các nội dung:

i) *Đánh giá về CTĐT*: gồm các tiêu chí có liên quan đến tính rõ ràng trong mục tiêu đào tạo, tính hợp lý về khối lượng chương trình, sự phù hợp giữa nội dung kiến thức và mục tiêu đào tạo đề ra,....;

(ii) *Về tổ chức và quản lý đào tạo*: gồm các tiêu chí có liên quan đến việc tổ chức thực hiện lớp học như: việc tổ chức giảng dạy đảm bảo theo đúng kế hoạch đã công bố, thời gian tổ chức học tập bố trí hợp lý, việc tổ chức thi/kiểm tra đánh giá thực hiện theo đúng quy định,....;

(iii) *Về đội ngũ GV*: gồm các tiêu chí có liên quan đến việc chuẩn hóa các hoạt động giảng dạy có liên quan đến học phần;

(iv) *Về hoạt động hỗ trợ đào tạo*: bao gồm các tiêu chí có liên quan đến việc đáp ứng về CSVC phục vụ học tập nghiên cứu, và các hoạt động hỗ trợ cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của SV....

- Cảm nhận chung của NH về khóa học: Các nội dung được đánh giá theo thang đo Likert 3 mức, mức 1 là đồng ý, mức 2 là không đồng ý và mức 3 là Không có ý kiến. Bao gồm các nội dung về mức độ hài lòng của NH về khóa học.

5.2.3. Khảo sát giảng viên về hoạt động giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy

*** Mục đích thực hiện**

Kết quả khảo sát là căn cứ để Nhà trường điều chỉnh các chính sách, xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao tri thức, quản lý về đào tạo và khoa học, nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV, hướng tới việc xây dựng văn hóa chất lượng trong ĐHQGHN nói chung và trong Trường ĐHKHT nói riêng. Kết quả TĐG cũng là một kênh để GV trong đơn vị sử dụng kết quả lấy ý kiến để cải tiến chất lượng nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và chuyển giao tri thức và đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

*** Phương pháp và quy trình thực hiện**

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích thông tin trên cơ sở các số liệu thu được từ GV.

- GV thực hiện ĐTKS qua hệ thống google form.

- Quy trình thực hiện được tuân thủ theo Quy định về các hoạt động ĐTKS đánh giá hoạt động đào tạo, công tác tổ chức, đoàn thể và hỗ trợ NH tại Trường ĐHKT - ĐHQGHN (bản hành theo Quyết định số 3081/QĐ-ĐHKT ngày 07/11/2013).

*** Công cụ ĐTKS**

Công cụ khảo sát trung cầu ý kiến GV được thiết lập theo Hướng dẫn số 581/HD-ĐHQGHN ngày 20/02/2021 *Đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan* của ĐHQGHN.

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo liket 5 mức (*từ mức 1 = hoàn toàn không đồng ý, 2 = không đồng ý, 3 = phân vân, 4 = đồng ý, 5 = hoàn toàn đồng ý*), để đo lường các tiêu chí đánh giá có liên quan đến hoạt động đào tạo.

Phiếu khảo sát gồm 4 sau:

- (i) Thông tin cá nhân;
- (ii) GV TĐG chất lượng các nhiệm vụ đã thực hiện trong năm học;
- (iii) GV đánh giá các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy.

5.3. Đánh giá chất lượng đào tạo của người học sau tốt nghiệp

5.3.1. Khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm và chương trình đào tạo

*** Mục đích thực hiện**

Hàng năm, Trường ĐHKT tổ chức khảo sát thu thập các thông tin về tình hình việc làm của các SVTN sau khi tốt nghiệp 01 năm. Thông qua đợt điều tra khảo sát thu thập ý kiến này, Nhà trường mong muốn nhận được những ý kiến đánh giá của các SVTN về tác động, hiệu quả của CTĐT đối với thực tế môi trường làm việc của SV sau khi tốt nghiệp. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp Nhà trường có bức tranh chung về chất lượng sản phẩm đầu ra và đánh giá tính hiệu quả của các CTĐT, tiếp tục khắc phục những tồn tại để từ đó xác định các lĩnh vực cần có giải pháp can thiệp, nâng cao chất lượng, đáp ứng các yêu cầu của NSDLĐ nói riêng và thị trường lao động nói chung.

*** Phương pháp và quy trình thực hiện**

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích thông tin trên cơ sở các số liệu thu được từ SVTN.

- Cuộc khảo sát sử dụng phương pháp điều tra “lần theo dấu vết” để thu thập thông tin, thông qua các kênh phỏng vấn trực tiếp, gọi điện thoại hoặc email đề nghị cung cấp thông tin.

- Quy trình thực hiện được tuân thủ theo quy trình ISO số 06/QT-ĐBCL *Quy trình ĐTKS SVTN/NSDLĐ về CTĐT* ban hành ngày 18/6/2021.

*** Công cụ ĐTKS**

Công cụ khảo sát trung cầu ý kiến SVTN được thiết lập theo Hướng dẫn số 581/HD-ĐHQGHN ngày 20/02/2021 *Đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan* của ĐHQGHN.

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo liket 5 mức (*từ mức 1 = không quan trọng, 2 = ít quan trọng, 3 = quan trọng, 4 = rất quan trọng, 5 = cực kỳ quan trọng*) để đo lường các tiêu chí đánh giá mức độ quan trọng của các năng lực theo CĐR đối với SVTN.

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo liket 5 mức (*từ mức 1 = không đạt, 2 = kém, 3 = đạt, 4 = tốt, 5 = rất tốt*) để đo lường các tiêu chí đánh giá mức độ đạt được các năng lực theo CĐR của SV sau khi tốt nghiệp.

Phiếu khảo sát gồm 4 sau:

- i) Thông tin cá nhân;
- ii) Khảo sát về tình hình việc làm;
- iii) Đánh giá mức độ quan trọng của các năng lực đối với SVTN và mức độ đạt được các năng lực đó sau khi tốt nghiệp;
- iv) Đề xuất, góp ý nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

5.3.2. Khảo sát nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp

*** Mục đích thực hiện**

Hai năm thực hiện một lần, Nhà trường tổ chức khảo sát trung cầu ý kiến của NSDLĐ về (i) chất lượng SVTN và (ii) mức độ đáp ứng của SVTN so với CĐR của CTĐT (iii) mức độ quan trọng của CĐR so với yêu cầu của NSDLĐ. Kết quả đánh giá cung cấp các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT của Nhà trường. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp Nhà trường có bức tranh chung về chất lượng sản phẩm đầu ra và hiệu quả của các CTĐT; từ đó xác định các lĩnh vực cần có giải pháp can thiệp, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

* **Phương pháp và quy trình thực hiện**

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích thông tin trên cơ sở các số liệu thu được từ NSDLĐ.

- Cuộc khảo sát sử dụng phương pháp điều tra “lần theo dấu vết” để thu thập thông tin, thông qua các kênh phỏng vấn trực tiếp, gọi điện thoại hoặc email đề nghị cung cấp thông tin.

- Quy trình thực hiện được tuân thủ theo quy trình ISO số 06/QT-ĐBCL Quy trình ĐTKS SVTN/NSDLĐ về CTĐT ban hành ngày 18/6/2021.

* **Công cụ ĐTKS**

Công cụ khảo sát trung cầu ý kiến NSDLĐ được thiết lập theo Hướng dẫn số 581/HD-ĐHQGHN ngày 20/02/2021 *Đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan* của ĐHQGHN.

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo likert 5 mức (*từ mức 1 = hoàn toàn không đáp ứng, 2 = không đáp ứng, 3 = phân vân, 4 = đáp ứng, 5 = đáp ứng tốt*) để đo lường các tiêu chí đánh giá có liên quan đến CĐR của CTĐT.

Cuộc cụ ĐTKS là phiếu hỏi có kết cấu như sau:

i) Thông tin chung bao gồm các thông tin về người cung cấp thông tin; thông tin chung về tổ chức; thông tin về SVTN mà tổ chức đang sử dụng.

ii) Thông tin đánh giá về năng lực thích ứng của SVTN đối với CĐR của CTĐT (kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn; phẩm chất cá nhân; kỹ năng mềm) trong quá trình làm việc.

iii) Những nhận xét chung của NSDLĐ là các vấn đề liên quan đến sự phù hợp của công việc của nhân viên với chuyên ngành được đào tạo; điểm mạnh, điểm yếu của nhân viên và đề xuất các giải pháp giúp nâng cao năng lực của SVTN.

5.4. Giám sát và đánh giá về kết quả nghiên cứu khoa học

Phòng NCKH&HTPT là đơn vị đầu mối **giám sát hoạt động NCKH** tại Trường ĐHKHT, được thể hiện qua:

i) Thống kê sản phẩm NCKH và tính giờ NCKH định kì 02 lần/năm. Phòng NCKH&HTPT gửi công văn yêu cầu thống kê sản phẩm NCKH đến các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo chuyên viên phụ trách công tác NCKH triển khai tới các cán bộ GV tại đơn vị. Sau đó, Phòng NCKH&HTPT tổng hợp, rà soát cả về số lượng và chất lượng sản phẩm.

ii) Cơ sở dữ liệu NCKH được Phòng NCKH&HTPT tổng hợp, cập nhật 02 lần/năm về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV và cán bộ nghiên cứu trong toàn trường.

iii) Giám sát thông qua thu thập ý kiến của các đơn vị trong Trường tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý và Hội nghị tổng kết năm học hàng năm.

Việc **đánh giá kết quả NCKH** được thể hiện qua các hoạt động sau:

i) Chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được đánh giá thông qua hội đồng đánh giá gồm các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu. Các ý kiến đánh giá chất lượng nghiên cứu của công trình được thể hiện qua các cuộc họp Hội đồng kiểm tra tiến độ hoặc Hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp. Ngoài ra, GV TĐG chất lượng nghiên cứu thông qua cuộc ĐTKS GV về hoạt động giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy (*cụ thể tại mục 5.2.3*).

ii) Chất lượng hoạt động nghiên cứu của SV được đánh giá thông qua các hội đồng đánh giá cấp Khoa/Viện, cấp Trường, cấp ĐHQGHN và cấp Bộ GD&ĐT (nếu có).

Hoạt động giám sát và đánh giá kết quả NCKH được thực hiện bởi các quy trình, quy định sau:

STT	Tên quy trình/quy định	Số hiệu
1	QT quản lý NCKH SV	04/QT-NCKH
2	Quy định về quản lý hoạt động NCKH tại Trường ĐHK T - ĐHQGHN	QĐ số 1525/QĐ-ĐHK T ngày 19/5/2021

5.5. Giám sát và đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng

Hoạt động PVCD được Nhà trường giám sát và đánh giá bởi các bên liên quan, cụ thể:

i) Từ phía xã hội: giám sát trực tiếp và đánh giá tại các hoạt động tại địa phương/tổ chức.

ii) Từ phía cán bộ, GV: giám sát thông qua thu thập ý kiến tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý của Nhà trường và Hội nghị tổng kết năm học hàng năm.

iii) Từ phía NH: giám sát thông qua thu thập ý kiến tại Hội nghị cán bộ lớp/Đoàn Thanh niên/Hội SV, tiếp nhận thông tin phản ánh qua Tổ 24/7; đánh giá thông qua cuộc ĐTKS NH về CTĐT và hỗ trợ đào tạo (*cụ thể tại mục 5.2.2*).

iv) Từ phía các tổ chức Đoàn thể: giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm về các hoạt động đã thực hiện.

Ngoài ra, Nhà trường thực hiện các công tác báo cáo kết quả hoạt động nhằm đánh giá đồng thời rút kinh nghiệm triển khai các hoạt động tiếp theo trên cơ sở thực hiện rà soát, điều chỉnh các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội thông qua các biên bản rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh.

5.6. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

5.6.1. Tự đánh giá

TĐG là quá trình CSGD tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác để CSGD tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Quy trình TĐG bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch;
- Lập dự trù kinh phí;
- Thành lập Hội đồng TĐG; Nhóm viết Báo cáo TĐG và Ban thư ký;
- Ký Hợp đồng với các Nhóm viết Báo cáo TĐG;
- Viết Báo cáo TĐG;
- Thẩm định/góp ý cho Báo cáo TĐG;
- Thu thập các minh chứng có liên quan đến Báo cáo;
- Gửi công văn kèm Báo cáo TĐG và danh mục minh chứng đến các bên liên quan để thẩm định (Bộ GD&ĐT, Viện ĐBCL giáo dục - ĐHQGHN);
- Quyết định lựa chọn tổ chức thực hiện KĐCL giáo dục;
- Gửi công văn đề nghị thẩm định đến tổ chức thực hiện thẩm định;
- Xây dựng hợp đồng thẩm định giữa Trường ĐHKT với tổ chức thực hiện thẩm định;
- Gửi công văn đăng ký đánh giá ngoài.

5.6.2. Đánh giá ngoài

Đánh giá ngoài là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức thực hiện KĐCL giáo dục dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành để xác định mức độ đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của CSGD.

Quy trình Đánh giá ngoài bao gồm:

- Quyết định lựa chọn đơn vị thực hiện Đánh giá ngoài;
- Ký hợp đồng Đánh giá ngoài giữa Trường ĐHKT với tổ chức thực hiện KĐCL giáo dục;
- Lập kế hoạch Đánh giá ngoài và Dự trù kinh phí;
- Khảo sát sơ bộ;
- Khảo sát chính thức;
- Báo cáo phản hồi kết quả Đánh giá ngoài;
- Dự thảo Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng CSGD/CTĐT;
- Công khai kết quả Đánh giá ngoài trên website của Tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng trong vòng 05 năm và truyền thông trên website Nhà trường.

CHƯƠNG 6. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

1. Trách nhiệm của Ban giám hiệu

Ban Giám hiệu có trách nhiệm thiết lập, triển khai, duy trì và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong tại Trường ĐHKHT.

Ban Giám hiệu tạo mọi điều kiện cho TT ĐBCL giáo dục triển khai và cải tiến liên tục hệ thống ĐBCL bên trong đến toàn thể cán bộ, GV, chuyên viên và các đơn vị trực thuộc Trường.

Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCL là đại diện Ban Giám hiệu với đầy đủ các quyền hạn cao nhất trong hệ thống ĐBCL. Phó Hiệu trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động ĐBCL giáo dục.
- Thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về hiệu quả và chất lượng của việc duy trì và cải tiến hệ thống ĐBCL giáo dục bên trong của Trường.
- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo với Hiệu trưởng về tình hình hoạt động ĐBCL tại Trường.

2. Trách nhiệm của các đơn vị chức năng

- Thực hiện việc quản lý thường xuyên và điều hành trực tiếp các hoạt động ĐBCL tại đơn vị.
- Giải quyết các công việc liên quan đến công tác ĐBCL được Ban Giám hiệu giao.
- Triển khai các quy trình quản lý và đánh giá một cách có hệ thống nhằm giám sát hoạt động tại đơn vị.
- Phối hợp với TT ĐBCL giáo dục về việc thiết lập, triển khai, duy trì và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong.
- Phối hợp, cung cấp số liệu, thông tin, minh chứng kịp thời cho các đơn vị khác để thực hiện công tác TĐG, KĐCL cấp Trường và cấp CTĐT.
- Thực hiện các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ban Giám hiệu về tình hình hoạt động ĐBCL.

- Lưu trữ, sắp xếp văn bản, quy trình một cách khoa học và có hệ thống.

3. Trách nhiệm của các Khoa/Viện Quản trị Kinh doanh

- Thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu ĐBCL do Hiệu trưởng phê duyệt hàng năm thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Ban giám hiệu.

- Triển khai đến cán bộ, GV, chuyên viên về các quy trình quản lý và đánh giá một cách có hệ thống nhằm giám sát hoạt động tại đơn vị.

- Phối hợp với TT ĐBCL giáo dục về việc thiết lập, triển khai, duy trì và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong.

- Phối hợp, cung cấp số liệu, thông tin, minh chứng kịp thời cho các đơn vị khác để thực hiện công tác TĐG, KĐCL cấp Trường và cấp CTĐT.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ban giám hiệu về hoạt động ĐBCL tại đơn vị.

- Lưu trữ, sắp xếp văn bản một cách khoa học.

4. Trách nhiệm của các tổ chức Đảng, đoàn thể

- Phối hợp, cung cấp số liệu, thông tin, minh chứng kịp thời cho các đơn vị khác để thực hiện công tác TĐG, KĐCL cấp trường và cấp CTĐT.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động ĐBCL theo yêu cầu.

- Lưu trữ, sắp xếp văn bản, quy trình một cách khoa học và có hệ thống.

5. Trách nhiệm của giảng viên và người học

Đối với GV:

- Thực hiện nghiêm túc các quy trình quản lý và giám sát của Nhà trường.

- Phối hợp, cung cấp thông tin, minh chứng kịp thời cho các đơn vị để thực hiện công tác TĐG, KĐCL cấp CSGD và CTĐT.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động ĐBCL theo yêu cầu.

- Chấp hành sự phân công của Lãnh đạo các Khoa/Viện trong việc đánh giá CSGD/CTĐT của Trường.

Đối với người học:

- Thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường.

- Chấp hành sự điều động của Nhà trường trong quá trình đánh giá ngoài CSGD/CTĐT.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Các loại mẫu phiếu khảo sát

1. Mẫu phiếu khảo sát hoạt động đào tạo

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN VỀ CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN (Đối với hệ đào tạo đại học)

Để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả giảng dạy tại Trường ĐHKT-ĐHQGHN, hàng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy (có liên quan đến học phần). Mọi ý kiến đóng góp của các anh/chị sẽ được đảm bảo tính khuyết danh. Các thông tin này sẽ không được sử dụng cho mục đích nào khác ngoài mục đích nêu trên. Rất mong sự đóng góp ý kiến của các anh/chị.

I. Thông tin cá nhân

1. Hệ đào tạo: 1. Chính quy 3. Chất lượng cao
2. Chính quy bằng kép 4. Đạt trình độ quốc tế
2. Ngành học/Lớp (bắt buộc) 1. Kinh tế 4. TCNH
QH-20..... 2. KTPT 5. QTKD
3. KT&KDQT 6. Kế toán
3. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ
4. Tên giảng viên: (bắt buộc)
5. Tên lớp học phần (bắt buộc)

II. Thông tin đánh giá

Hãy điền số tương ứng các mức với các ý kiến mà anh/chị cho là phù hợp và đúng với quan điểm của mình theo chỉ dẫn dưới đây:

Thang đo:

❶ = Rất không đồng ý; ❷ = Không đồng ý; ❸ = Phân vân; ❹ = Đồng ý; ❺ = Hoàn toàn đồng ý.

STT	Các nội dung đánh giá	Thang
A Hoạt động giảng dạy của giảng viên		
1	GV cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (thông tin tóm tắt, CDR và mục tiêu của học phần, thông tin về giảng viên, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy và học, lịch trình dạy học, học liệu bắt buộc và quy định về kiểm tra đánh giá)	
2	GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung và kế hoạch học tập trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố	
3	GV hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu và các kỹ năng bổ trợ (làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, ...) phục vụ học tập và học tập suốt đời	

STT	Các nội dung đánh giá	Thang
4	Phương pháp giảng dạy của GV tăng khả năng thích ứng của người học với trải nghiệm thực tế (tích hợp dạy truyền thống và E-learning, case study, trải nghiệm thực tiễn, trao đổi định hướng nghề nghiệp...)	
5	Phương pháp giảng dạy của GV theo hướng ứng dụng CNTT, vận dụng tối đa các phương tiện hỗ trợ dạy và học (sử dụng các phần mềm dạy học online, Seminar bàn tròn trao đổi học thuật, Thực hiện trò chơi mô phỏng trên lớp, áp dụng phương pháp đảo ngược: SV giảng dạy, ...)	
6	Phương pháp giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp	
7	GV luôn tôn trọng, lắng nghe ý kiến của người học và chia sẻ kinh nghiệm với người học..., hỗ trợ trao đổi ngoài giờ với người học	
8	Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với việc đánh giá mức độ đạt CĐR của học phần	
9	Các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng (Bài tập lớn/tiểu luận cá nhân, dự án, thi trực tuyến, Đánh giá quá trình học tập, ...)	
10	Phản hồi về kết quả đánh giá theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ...) giúp sinh viên cải thiện việc học tập	
B_ Các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy		
11	Học phần có mục tiêu về kiến thức, kỹ năng rõ ràng.	
12	Học phần có tỷ lệ phân bố giữa khối kiến thức lý thuyết và thực hành hợp lý	
13	Nội dung học phần đáp ứng CĐR tương ứng của học phần	
14	Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới	
15	Giáo trình và tài liệu HP có nội dung chính xác và phù hợp với lĩnh vực theo học	
16	Giáo trình và tài liệu HP (trong nước và quốc tế) được cập nhật thường xuyên (bao gồm các học liệu số)	
17	CSVC của trường đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo và học tập của người học (gồm giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn, các ứng dụng tiện ích trực tuyến - truy cập internet, Website.....)	
18	Người học nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tình của các chuyên viên khi được yêu cầu	
C_ Cảm nhận chung (Thang đo: ① = Đồng ý; ②= Không đồng ý; ③ = Không biết/Không		

STT	Các nội dung đánh giá	Thang
19	Anh/chị hài lòng với việc tổ chức giảng dạy HP này.	
20	Anh/chị hài lòng với phương pháp giảng dạy HP của GV.	
21	HP đã trang bị cho anh/chị những kiến thức và kỹ năng thiết thực.	
22	Anh/chị mong muốn sẽ được tiếp tục theo học giảng viên này.	

Một số ý kiến đóng góp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy trong thời gian tới:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Mẫu phiếu khảo sát CTĐT và hỗ trợ đào tạo

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN SINH VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (Dùng cho sinh viên năm cuối, hệ đào tạo ĐH)

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của Nhà trường, hàng năm Trường ĐHKHT - ĐHQGHN thực hiện trung cầu ý kiến của sinh viên về. Những thông tin do anh/chị cung cấp sẽ là nguồn thông tin quan trọng giúp Nhà trường có những đánh giá thực tế để điều chỉnh và cải thiện chất lượng giảng dạy. Các thông tin này hoàn toàn được bảo mật và không sử dụng cho mục đích nào khác ngoài mục đích nêu trên. Rất mong sự cộng tác của anh/chị.

Thông tin cá nhân

1. Hệ đào tạo: 2. Lớp học: 3. Giới tính:

Thông tin đánh giá

Anh/chị khoanh tròn vào số tương ứng trong thang điểm đánh giá phù hợp với quan điểm của các Anh/chị cho từng nội dung được nêu dưới đây:

Mức 1	2	3	4	5
Mức thấp nhất	----->			Mức cao nhất

STT	Các nội dung đánh giá	Điểm				
		1	2	3	4	5
A_ Chương trình đào tạo						
1	Các học phần trong CTĐT được thiết lập theo trình tự logic	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	CTĐT có nhiều học phần tự chọn đáp ứng nhu cầu của người học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	CTĐT hướng tới tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Chương trình học có tỷ lệ phân bố giữa khối kiến thức lý thuyết và thực hành hợp lý	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Ngành học có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của xã hội	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Người học được tạo điều kiện phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	Người học được rèn luyện, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	Nội dung CTĐT theo định hướng thực hành/thực tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10	Nội dung của chương trình đào tạo được phân bổ hợp lý theo từng năm học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11	Người học được trang bị những kỹ năng để hội nhập quốc tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

B_Tổ chức và quản lý đào tạo

- | | | | | | | |
|----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 12 | Các phương pháp thi/kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc tính của các học phần | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 13 | Kết quả đánh giá thành quả học tập phản ánh đúng năng lực của người học | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 14 | Kết quả thi/ kiểm tra đánh giá thành quả học tập được thông báo kịp thời tới người học | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 15 | Người học được hướng dẫn đầy đủ về các qui định về kiểm tra đánh giá | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 16 | Người học được hướng dẫn đầy đủ về các yêu cầu của chương trình giáo dục | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 17 | Thời gian tổ chức học tập cho người học được bố trí thuận tiện và phù hợp | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 18 | Việc tổ chức giảng dạy được thực hiện theo đúng kế hoạch đào tạo | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 19 | Việc tổ chức thi/kiểm tra đánh giá được thực hiện chính xác, công bằng | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 20 | Hàng năm người học được gặp gỡ trao đổi với Chủ nhiệm khoa, Ban giám hiệu về tình hình học tập tại trường | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 21 | Người học được hỗ trợ các cơ hội giao lưu, học tập ngắn hạn ở nước ngoài | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

C_Đội ngũ giảng viên

- | | | | | | | |
|----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 22 | GV có phương pháp giảng dạy phù hợp | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 23 | GV có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 24 | GV đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 25 | GV nhiệt tình, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn với người học | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 26 | GV sử dụng các phương pháp/hình thức thi/kiểm tra đánh giá như đã thông báo trước khi giảng dạy để kiểm tra đánh giá thành quả học tập của người học. | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 27 | GV sử dụng các phương tiện hiện đại hỗ trợ trong giảng dạy (áp dụng CNTT trong các hoạt động giảng dạy trên lớp...) | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 28 | Hoạt động giảng dạy của GV luôn gắn với định hướng nghề nghiệp | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

D_Hỗ trợ đào tạo

- | | | | | | | |
|----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 29 | Các cán bộ quản lý, chuyên viên đào tạo luôn tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp cận với chương trình học | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 30 | Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập và nghiên cứu được tổ chức thường xuyên | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

31	Các hoạt động văn hóa xã hội, phong trào của Trường góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của người học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
32	Các phương tiện hỗ trợ học tập được trang bị hiện đại	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
33	CSVC đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của NH	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
34	Công tác hỗ trợ người học hữu ích và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của người học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
35	Dịch vụ tài chính hỗ trợ người học được thực hiện nhanh chóng và kịp thời	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
36	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu của người học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
37	Học liệu của chương trình đào tạo có nội dung chính xác và được cập nhật thường xuyên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
38	Người học được đảm bảo các chính sách xã hội theo qui định	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
39	Người học nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tình của các trợ lý khoa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
40	Ý kiến của người học được tiếp nhận và phản hồi đầy đủ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Cảm nhận chung của người học về khóa học (với các mức 1=Đồng ý; 2 =Không đồng ý; 3=Không xác định)						
41	Khoá học cung cấp các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp thiết thực	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
42	Khoá học đáp ứng được mong đợi của tôi	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
43	Khoá học giúp tôi hình thành và phát triển kỹ năng tự học và làm việc độc lập.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
44	Khoá học giúp tôi phát triển năng lực tư duy và phân tích sáng tạo	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
45	Khóa học giúp tôi trau dồi kiến thức, kỹ năng hội nhập quốc tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
46	Tôi có cơ hội gặp gỡ, trao đổi học thuật với các giảng viên giỏi, chuyên gia trong và ngoài nước trong thời gian học tập tại trường	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
47	Tôi có cơ hội tham gia các hoạt động NCKH, hội nghị, hội thảo khoa học trong thời gian học tập tại trường	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
48	Tôi hài lòng với việc học tập trong những năm học vừa qua tại Trường	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
49	Tôi hoàn toàn toàn tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
50	Tôi tin rằng học phí đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Đánh giá chung về sự hài lòng (với các mức 1 = hài lòng; 2 = Không hài lòng; 3 = Không xác định)

51 Mức độ hài lòng về chất lượng chương trình đào tạo

52 Mức độ hài lòng về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo

Ý kiến khác

53 Theo anh/chị, có những học phần hoặc chuyên đề có liên quan về kỹ năng nghề/kỹ năng mềm nào cần được bổ sung vào chương trình đào tạo?

.....
.....
.....
.....
.....

54 Theo anh/chị, có những học phần hoặc chuyên đề về kiến thức chuyên môn/ngành vụ nào cần được bổ sung vào chương trình đào tạo?

.....
.....
.....
.....
.....

55 Theo anh/chị, học phần nào cần được giảm bớt về thời lượng trong chương trình đào tạo được thụ hưởng?

.....
.....
.....
.....
.....

54 Theo anh/chị, học phần nào cần được tăng thêm thời lượng trong chương trình đào tạo được thụ hưởng?

.....
.....
.....
.....
.....

Một số ý kiến đóng góp

Một số ý kiến đóng góp khác về chương trình đào tạo

.....
.....
.....
.....
.....

3. Mẫu phiếu GV tự đánh giá

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Ngày..... tháng.... năm 20.....

PHIẾU LẤY Ý KIẾN GIẢNG VIÊN (Năm học 20... – 20...)

Kính gửi Quý thầy, cô,

Phiếu lấy ý kiến GV nhằm thu thập thông tin phản hồi của GV về các hoạt động của Nhà trường trong việc hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và thông tin giảng viên TĐG làm căn cứ cải tiến chất lượng, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng của đơn vị và ĐHQGHN.

Thầy/cô hoàn thành Phiếu đánh giá dành cho Giảng viên trong ĐHQGHN bằng cách điền các thông tin theo các mục hỏi và lựa chọn mức độ đánh giá về chất lượng trong Phiếu hỏi dưới đây.

Họ và tên:

Học vị & chức danh:.....

Khoa/Bộ môn:

Trình độ ngoại ngữ:.....

1. Giảng viên TĐG chất lượng các nhiệm vụ đã thực hiện trong năm học

Thang đánh giá:

① Rất không tốt	② Không tốt	③ Bình thường	④ Tốt	⑤ Rất tốt
-----------------	-------------	---------------	-------	-----------

stt	Các nhiệm vụ	Thang đánh giá				
		①	②	③	④	⑤
1.	Thiết kế các hoạt động giảng dạy và học tập được dựa trên triết lý giáo dục của Nhà trường	①	②	③	④	⑤
2.	Thiết kế các hoạt động giảng dạy và học tập phù hợp để đạt được CĐR tương ứng của HP	①	②	③	④	⑤
3.	Tạo cơ hội cho sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập	①	②	③	④	⑤
4.	Đổi mới phương pháp giảng dạy trong học phần được phân công	①	②	③	④	⑤
5.	Hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập trong quá trình dạy học nhằm thúc đẩy khả năng học tập suốt đời	①	②	③	④	⑤
6.	Thực hiện đủ thời lượng, nội dung của học phần theo kế hoạch, đề cương học phần đã công bố	①	②	③	④	⑤
7.	Phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá giúp SV cải thiện kết quả học tập	①	②	③	④	⑤
8.	Hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu	①	②	③	④	⑤
9.	Ứng dụng công nghệ trong dạy học	①	②	③	④	⑤

<i>stt</i>	<i>Các nhiệm vụ</i>	<i>Thang đánh giá</i>				
10.	Thực hiện chuẩn mực của nhà giáo (lên lớp đúng giờ, giao tiếp và ứng xử đúng mực với SV...)	①	②	③	④	⑤
11.	Chất lượng thực hiện công tác cố vấn học tập (nếu có tham gia)	①	②	③	④	⑤
12.	Chất lượng thực hiện công tác quản lý từ cấp bộ môn trở lên (nếu có tham gia)	①	②	③	④	⑤
13.	Hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học trong năm	①	②	③	④	⑤
14.	Tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ	①	②	③	④	⑤
15.	Cung cấp đầy đủ thông tin về học phần cho sinh viên theo quy định	①	②	③	④	⑤

2. GV đánh giá các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy

Thang đánh giá:

① Hoàn toàn không đồng ý	② Cơ bản không đồng ý	③ Cơ bản đồng ý	④ Đồng ý	⑤ Hoàn toàn đồng ý
--------------------------	-----------------------	-----------------	----------	--------------------

<i>Nội dung đánh giá</i>		<i>Thang đánh giá</i>				
<i>Phần 1. Thông tin về học phần và chương trình đào tạo</i>						
1.	GV chủ động cập nhật kiến thức mới phục vụ nội dung học phần được phân công giảng dạy	①	②	③	④	⑤
2.	GV được tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến điều chỉnh học phần	①	②	③	④	⑤
3.	GV được tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến điều chỉnh CTĐT	①	②	③	④	⑤
<i>Phần 2. Kiểm tra, đánh giá</i>						
4.	Phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần phù hợp với việc đo lường mức độ đạt CDR tương ứng của học phần	①	②	③	④	⑤
5.	Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.	①	②	③	④	⑤
6.	Việc tổ chức ra đề thi, chấm thi được thực hiện theo đúng quy định	①	②	③	④	⑤
<i>Phần 3. Một số hoạt động quản trị</i>						
7.	Văn bản về triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến tới giảng viên	①	②	③	④	⑤
8.	Nhu cầu được đào tạo và tham gia các khóa học bồi dưỡng nâng cao trình độ và kỹ năng của giảng viên được Nhà trường đáp ứng	①	②	③	④	⑤
9.	Kết quả làm việc của giảng viên được đánh giá công bằng	①	②	③	④	⑤
10.	GV hài lòng đối với các chính sách đãi ngộ chung của Nhà trường	①	②	③	④	⑤
<i>Phần 4. Công tác hỗ trợ và CSVC phục vụ giảng dạy học phần</i>						
11.	Có đủ phòng học với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động	①	②	③	④	⑤

	đào tạo và nghiên cứu trong phạm vi học phần					
12.	Có đủ phòng làm việc với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong phạm vi học phần	①	②	③	④	⑤
13.	Có đủ phòng thí nghiệm hoặc phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong phạm vi học phần	①	②	③	④	⑤
14.	Các yêu cầu sửa chữa CSVC hoặc trang thiết bị phục vụ học tập, nghiên cứu được đáp ứng	①	②	③	④	⑤
15.	Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong phạm vi học phần	①	②	③	④	⑤
16.	Cơ sở hạ tầng công nghệ hỗ trợ việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học đáp ứng được yêu cầu	①	②	③	④	⑤

Các nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn hoặc các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

Xin cảm ơn Quý thầy, cô!

4. Mẫu phiếu khảo sát SVTN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Mã phiếu:

PHIẾU LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VỀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Để nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời nhằm tìm hiểu về tình hình việc làm của sinh viên đã hoàn thành khóa học tại Trường ĐHKT - ĐHQGHN, hàng năm Nhà trường tổ chức trưng cầu ý kiến của Anh/Chị về chương trình đào tạo Cử nhân mà Anh/Chị đã theo học tại trường. Những thông tin do Anh/Chị cung cấp sẽ là nguồn thông tin quan trọng giúp Nhà trường có những đánh giá thực tế để điều chỉnh và cải thiện chất lượng đào tạo. Các thông tin này hoàn toàn được bảo mật và không sử dụng cho mục đích nào khác ngoài mục đích nêu trên.

Rất mong sự cộng tác của Anh/Chị.

A. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên:

2. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

3. Ngành (bắt buộc): Khóa/lớp (bắt buộc):

4. Số điện thoại:

5. Email:

6. Năm tốt nghiệp:

7. Xếp loại tốt nghiệp: 1. Xuất sắc 2. Giỏi 3. Khá

4. Trung bình 5. Yếu

8. Địa chỉ nơi sinh sống/làm việc hiện tại:.....

.....

B. Khảo sát về tình hình việc làm

1. Kể từ sau khi tốt nghiệp đến nay, Anh/Chị đã có việc làm chưa?

1. Đã có

2. Chưa có (chuyển tiếp câu 1c)

1a. Nếu đã từng có việc làm, Anh/Chị nhận được **công việc đầu tiên sau bao lâu tốt nghiệp?** tháng

1b. Đây là công việc thứ mấy của Anh/Chị kể từ sau khi tốt nghiệp?
Thứ.....

1c. Nếu chưa có, xin cho biết lý do chưa xin được việc làm? (có thể lựa chọn nhiều phương án)

Nội dung	Đánh dấu x vào ô trống
1. Không có việc làm phù hợp với ngành đào tạo	
2. Không có nhu cầu tìm việc làm.	
3. Chuyên ngành đào tạo không phù hợp với công việc	
4. Hạn chế về kỹ năng xin việc (làm hồ sơ, phỏng vấn...)	
5. Hạn chế về kỹ năng ngoại ngữ	
6. Hạn chế về sử dụng máy tính	
7. Hạn chế về kỹ năng giao tiếp.	
8. Năng lực chuyên môn không đáp ứng được yêu cầu công việc	
9. Năng lực thích ứng với môi trường làm việc thấp, không hòa nhập được với công việc	
10. Tiếp tục học sau đại học	
11. Khác (cụ thể):	
(chuyển tiếp phần C)	

2. Hiện nay, Anh/Chị đang làm việc tại:

3. Nơi Anh/Chị làm việc thuộc thành phần kinh tế nào?

- | | |
|---------------------|-------------------------|
| 1. Khu vực nhà nước | 2. Khu vực tư nhân |
| 3. Tự làm chủ | 4. Có yếu tố nước ngoài |

4. Công việc của Anh/Chị có đúng/phù hợp với chuyên ngành được đào tạo không?

- | | |
|------------------|----------------|
| 1. Không phù hợp | 2. Ít phù hợp |
| 3. Phù hợp | 4. Rất phù hợp |

5. Vị trí việc làm hiện tại của Anh/Chị?

- | | |
|------------------------|--------------------------------|
| 1. Tập sự/thử việc | 2. Cán bộ thực thi (nhân viên) |
| 3. Quản lý cấp bộ phận | 4. Quản lý cấp đơn vị |

5. Khác (nêu cụ thể):

6. Thời gian mà Anh/Chị đã làm việc tại cơ quan hiện tại (bao gồm cả thời gian thử việc):

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. Dưới 03 tháng | 2. Từ 3 - 6 tháng |
| 3. Từ 06 - 12 tháng | 4. Trên 12 tháng |

7. Thu nhập hiện tại của Anh/Chị là: triệu đồng/tháng

8. Sau khi tuyển dụng, Anh/Chị phải bổ trợ thêm các kiến thức, kỹ năng nào để có thể đáp ứng công việc tại cơ quan công tác? (Đánh dấu X vào ô trống, có thể lựa chọn nhiều phương án)

	1. Bổ trợ kiến thức chuyên môn		2. Bổ trợ kỹ năng về công nghệ TT
	3. Bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ		4. Nâng cao/Bổ trợ kỹ năng ngoại ngữ
	5. Bổ trợ kỹ năng mềm		6. Không phải bổ trợ thêm
Khác (nêu cụ thể):			

C. Đánh giá mức độ quan trọng của các năng lực đối với sinh viên tốt nghiệp và mức độ đạt được các năng lực đó sau khi tốt nghiệp

Anh/Chị hãy khoanh tròn vào số phù hợp nhất ở cả 2 cột (trái và phải)										
Cột bên trái: đánh giá mức độ quan trọng của từng năng lực					Cột bên phải: đánh giá mức độ đạt được các năng lực của từng năng lực					
Thang đo của cột trái					Thang đo của cột phải					
1 = Không quan trọng					1 = Không đạt					
2 = Ít quan trọng					2 = Kém					
3 = Quan trọng					3 = Đạt					
4 = Rất quan trọng					4 = Tốt					
5 = Cực kỳ quan trọng					5 = Rất tốt					
Mức độ quan trọng		Năng lực							Mức độ đạt được	
1. Kiến thức, năng lực và kỹ năng chuyên môn										
5	4	3	2	1	1.1 Kiến thức ngành được đào tạo	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.2 Kiến thức xã hội	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.3 Năng lực ứng dụng kiến thức chuyên môn	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.4 Năng lực tự học/tự nghiên cứu	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.5 Năng lực giao tiếp thông dụng bằng ngoại ngữ	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.6 Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong chuyên môn	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.7 Kỹ năng khai thác, phân loại và xử lý thông tin	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.8 Kỹ năng tin học văn phòng	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.9 Kỹ năng tư duy độc lập	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	1.10 Kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn	1	2	3	4	5
2. Phẩm chất cá nhân										
5	4	3	2	1	2.1 Tính tự tin vào khả năng của bản thân	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.2 Tính sáng tạo	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.3 Tính chuyên nghiệp	1	2	3	4	5

Anh/Chị hãy khoanh tròn vào số phù hợp nhất ở cả 2 cột (trái và phải)										
Cột bên trái: đánh giá mức độ quan trọng của từng năng lực						Cột bên phải: đánh giá mức độ đạt được các năng lực của từng năng lực				
Thang đo của cột trái						Thang đo của cột phải				
1 = Không quan trọng						1 = Không đạt				
2 = Ít quan trọng						2 = Kém				
3 = Quan trọng						3 = Đạt				
4 = Rất quan trọng						4 = Tốt				
5 = Cực kỳ quan trọng						5 = Rất tốt				
5	4	3	2	1	2.4 Có động lực làm việc	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.5 Hợp tác tốt với đồng nghiệp	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.6 Trách nhiệm đối với công việc	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.7 Có tính cầu thị/tiếp thu	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.8 Có đạo đức nghề nghiệp	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.9 Khả năng thích nghi với những thay đổi	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	2.10 Khả năng phản ứng tích cực trước áp lực	1	2	3	4	5
3. Kỹ năng mềm và các năng lực khác										
5	4	3	2	1	3.1 Kỹ năng giao tiếp	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.2 Kỹ năng thuyết trình	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.3 Kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.4 Kỹ năng tổ chức và điều phối nhiệm vụ	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.5 Kỹ năng quản lý thời gian	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.6 Kỹ năng xác định vấn đề	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.7 Kỹ năng xử lý/giải quyết vấn đề	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.8 Kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.9 Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.10 Kỹ năng phản hồi tích cực	1	2	3	4	5
5	4	3	2	1	3.11 Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính cơ bản	1	2	3	4	5

4. Ý kiến đóng góp khác của Anh/Chị nhằm nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo:

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn!

5. Mẫu phiếu khảo sát NSDLĐ



PHIẾU KHẢO SÁT TRUNG CẦU Ý KIẾN NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VỀ CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP

Kính gửi Quý Cơ quan!

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN tổ chức trung cầu ý kiến các Quý Cơ quan về việc đánh giá năng lực đáp ứng công việc của người học tốt nghiệp Chương trình đào tạo, Trường ĐHKT đã và đang làm việc tại Quý Cơ quan.

Mọi thông tin Quý Cơ quan cung cấp hoàn toàn được bảo mật và chỉ sử dụng vào mục đích nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo.

Rất mong sự đóng góp của Quý cơ quan!

Anh/chị vui lòng điền một số các thông tin theo chỉ dẫn dưới đây, phản ánh đúng hoạt động của Quý cơ quan trong việc sử dụng người lao động là sinh viên tốt nghiệp của Trường.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin của người cung cấp thông tin

Họ và tên:

Vị trí công tác:

Điện thoại: Email:

2. Thông tin của Tổ chức

2.1. Tên Cơ quan:

2.2. Địa chỉ:

2.3. Loại hình của Cơ quan: (Khoanh tròn phương án lựa chọn phù hợp)

1. Cơ quan sự nghiệp công lập 2. Tự tạo việc làm 3. Doanh nghiệp trong nước

4. Doanh nghiệp liên doanh 5. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

6. Tổ chức phi chính phủ: (...) Trong nước (.....) Quốc tế

7. Loại hình khác (xin nêu rõ):

3. Thông tin của sinh viên tốt nghiệp mà Quý cơ quan đang sử dụng

3.1. Họ và tên sinh viên tốt nghiệp:

3.2. Vị trí sinh viên tốt nghiệp được bố trí khi làm việc tại Quý cơ quan? (Khoanh tròn phương án lựa chọn phù hợp)

1. Tập sự/thử việc 2. Cán bộ thực thi (nhân viên) 3. Quản lý cấp bộ phận

4. Quản lý cấp đơn vị 5. Khác (xin nêu rõ):

3.3. Thời gian sinh viên tốt nghiệp đã làm việc tại Quý Cơ quan (số tháng làm việc tại bao gồm cả thời gian thử việc)

1. Dưới 3 tháng 2. Từ 3 - 6 tháng 3. Từ 6-12 tháng 4. Trên 1 năm

II. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THÍCH ỨNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Anh/chị vui lòng đánh dấu X vào các phương án lựa chọn phù hợp phản ánh đúng năng lực thích ứng của người lao động tại Quý cơ quan?

Nội dung đánh giá năng lực thích ứng của người lao động		Thang đánh giá mức độ hài lòng của quý cơ quan về người lao động (1) Hoàn toàn không đáp ứng; (2) Không đáp ứng; (3) Phân vân; (4) Đáp ứng; (5) Đáp ứng tốt				
1. Kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn						
1.	Kiến thức ngành được đào tạo	①	②	③	④	⑤
2.	Kiến thức xã hội	①	②	③	④	⑤
3.	Năng lực ứng dụng kiến thức chuyên môn	①	②	③	④	⑤
4.	Năng lực tự học/tự nghiên cứu	①	②	③	④	⑤
5.	Năng lực giao tiếp thông dụng bằng ngoại ngữ	①	②	③	④	⑤
6.	Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong chuyên môn	①	②	③	④	⑤
7.	Kỹ năng khai thác, phân loại và xử lý thông tin	①	②	③	④	⑤
8.	Kỹ năng tin học văn phòng	①	②	③	④	⑤
9.	Kỹ năng tư duy độc lập	①	②	③	④	⑤
10.	Kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn	①	②	③	④	⑤
Trong các kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn trên, tiêu chí nào quan trọng nhất đối Quý tổ chức (tiêu chí số mấy):						
2. Phẩm chất cá nhân						
11.	Sự tự tin vào khả năng của bản thân	①	②	③	④	⑤
12.	Năng lực sáng tạo	①	②	③	④	⑤
13.	Tính chuyên nghiệp	①	②	③	④	⑤
14.	Có động lực làm việc	①	②	③	④	⑤
15.	Hợp tác với đồng nghiệp	①	②	③	④	⑤
16.	Trách nhiệm đối với công việc	①	②	③	④	⑤
17.	Tính cầu thị/tiếp thu	①	②	③	④	⑤
18.	Đạo đức nghề nghiệp	①	②	③	④	⑤
19.	Khả năng thích ứng với thay đổi	①	②	③	④	⑤
20.	Khả năng phản ứng tích cực trước áp lực	①	②	③	④	⑤
Trong các phẩm chất trên, phẩm chất cá nhân nào quan trọng nhất đối Quý tổ chức (tiêu chí số mấy):						
3. Kỹ năng mềm						
21.	Kỹ năng giao tiếp	①	②	③	④	⑤
22.	Kỹ năng thuyết trình	①	②	③	④	⑤
23.	Kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả	①	②	③	④	⑤
24.	Kỹ năng tổ chức và điều phối nhiệm vụ	①	②	③	④	⑤
25.	Kỹ năng quản lý thời gian	①	②	③	④	⑤

Nội dung đánh giá năng lực thích ứng của người lao động		Thang đánh giá mức độ hài lòng của quý cơ quan về người lao động (1) Hoàn toàn không đáp ứng; (2) Không đáp ứng; (3) Phân vân; (4) Đáp ứng; (5) Đáp ứng tốt				
26.	Kỹ năng xác định vấn đề	①	②	③	④	⑤
27.	Kỹ năng xử lý/giải quyết vấn đề	①	②	③	④	⑤
28.	Kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột	①	②	③	④	⑤
29.	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả	①	②	③	④	⑤
30.	Kỹ năng phản hồi tích cực	①	②	③	④	⑤
31.	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính cơ bản	①	②	③	④	⑤
32.	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin					
33.	Năng lực sử dụng tiếng anh trong công việc					
Trong các kỹ năng trên, kỹ năng mềm nào quan trọng nhất đối Quý tổ chức (tiêu chí số mấy):						

2. Về cơ bản, Anh/chị quan hài lòng với năng lực hiện có của nhân viên/cán bộ đang làm việc tại Quý cơ quan? (Khoanh tròn phương án lựa chọn phù hợp)

- | | |
|-------------------|------------------------|
| 1. Không hài lòng | 2. Cần đào tạo bổ sung |
| 3. Hài lòng | 4. Rất hài lòng |

3. Về cơ bản, nhân viên/cán bộ đang được tuyển dụng đáp ứng được yêu cầu công việc của Quý Cơ quan? (Khoanh tròn phương án lựa chọn phù hợp)

- | | | |
|------------------|---------------------|------------|
| 1. Không đáp ứng | 2. Đáp ứng thấp | 3. Đáp ứng |
| 4. Đáp ứng tốt | 5. Đáp ứng xuất sắc | |

III. NHẬN XÉT CHUNG

(Khoanh tròn phương án lựa chọn phù hợp)

1. Anh/chị đánh giá như thế nào về mức độ phù hợp của chuyên ngành đào tạo của nhân viên/cán bộ đang đảm nhận với tính chất nhiệm vụ/công việc được giao tại Quý Cơ quan?

- | | | | |
|------------------|-----------------|------------|----------------|
| 1. Không phù hợp | 2. Chỉ một phần | 3. Phù hợp | 4. Rất phù hợp |
|------------------|-----------------|------------|----------------|

2. Anh/chị cho biết sau khi được tuyển dụng để có thể đáp ứng tốt các yêu cầu công việc tại Quý Cơ quan, sinh viên tốt nghiệp của Trường đã được đào tạo thêm kiến thức, kỹ năng nào dưới đây?

- | | |
|--------------------------------|--|
| 1. Bổ trợ kiến thức chuyên môn | 2. Bổ trợ kỹ năng về công nghệ thông tin |
| 3. Bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ | 4. Nâng cao/Bổ trợ kỹ năng ngoại ngữ |
| 5. Bổ trợ kỹ năng mềm | 6. Không phải bổ trợ thêm |
| 7. Khác (xin ghi rõ): | |
| | |

3. Nếu có nhu cầu, Quý cơ quan có tiếp tục tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của Trường ĐHKHT không?

- | | | |
|------------------------|----------------|----------|
| 1. Tiếp tục tuyển dụng | 2. Sẽ cân nhắc | 3. Không |
|------------------------|----------------|----------|

4. Anh/chị vui lòng cho biết số sinh viên tốt nghiệp của Trường mà Quý cơ quan đang sử dụng: người
5. Theo anh/chị, giải pháp nào sau đây sẽ hỗ trợ/giúp Trường cải tiến chương trình đào tạo và người học nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu công việc của các nhà sử dụng lao động? (chọn tối đa 03 GIẢI PHÁP và đánh số từ 1 – 3 theo mức độ QUAN TRỌNG NHẤT)

1. Các nhà sử dụng lao động nhận sinh viên thực tập.
2. Tăng thời lượng thực tập tại tổ chức/doanh nghiệp của sinh viên.
3. Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của các nhà sử dụng lao động nhằm đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ đối với các ngành đào tạo của Trường.
4. Sinh viên được học các khóa bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng.
5. Phát triển các phẩm chất cá nhân đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.
6. Hàng năm Trường có chương trình giao lưu trường đại học - nhà sử dụng lao động.
7. Hàng năm Trường có khảo sát về sự hài lòng của các sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp làm cơ sở điều chỉnh/bổ sung nội dung chương trình đào tạo phù hợp.
8. Trường phối hợp với các nhà sử dụng lao động tổ chức se-mi-na cho sinh viên.
9. Các nhà sử dụng lao động đặt hàng sinh viên nghiên cứu khoa học theo nhu cầu thực tiễn.
<i>Những ý kiến đóng góp khác của Quý Cơ quan:</i>

Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của Quý cơ quan!

Phụ lục 2. Các đường link liên quan đến công khai hoạt động ĐBCL

1. Các văn bản quy định về KĐCL: <https://bitly.com.vn/jv8b5d>
2. Công khai kết quả Đánh giá ngoài trên website Nhà trường:
<https://bitly.com.vn/0ki5ww>
3. Ba công khai: <https://bitly.com.vn/h6l4ri>